

R

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KHOA HỌC

**VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN VỚI PHONG TRÀO “SÁNG TẠO TRẺ”
TRONG THỜI KỲ CNH, HĐH ĐẤT NƯỚC**

ĐỀ TÀI: KTN 2004-03

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: KS. NGUYỄN HOÀNG HIỆP
CƠ QUAN CHỦ TRÌ: BAN TN CÔNG NHÂN VÀ ĐÔ THỊ

HÀ NỘI, THÁNG 12/2004

5508

14/10/05

PHỤ LỤC

	Trang
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	2 - 6
1 Tính cấp thiết của đề tài	1- 3
2 Mục đích nghiên cứu:	4
3 Nhiệm vụ nghiên cứu:	4
4 Đối tượng và khách thể nghiên cứu:	4
5 Phạm vi nghiên cứu:	4
6 Phương pháp nghiên cứu	5
7 Sản phẩm nghiên cứu:	5
8 Cơ quan phối hợp nghiên cứu	5
9 Cơ quan chủ trì đề tài	5
10 Chủ nhiệm đề tài:	6
11 Các cá nhân tham gia nghiên cứu	6
 Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	 7 - 19
I Một số khái niệm có liên quan đến đề tài	7 - 13
II Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Đoàn thanh niên về vai trò của thanh niên tham gia phát triển KH&CN	13 - 19
 Chương II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN TRONG VIỆC TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÀO, HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO TRONG THANH NIÊN	 20 - 59
I Tình hình chung về học vấn, nghề nghiệp và phát triển tài năng của thanh niên Việt Nam	20 - 23
II Thực trạng hoạt động của Đoàn trong việc tổ chức các phong trào sáng tạo trong thanh niên	23 - 59
 Chương III: CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO SÁNG TẠO TRẺ TRONG THỜI GIAN TỚI	 60 - 86
I Dự báo về tình hình thanh niên và xu thế hoạt động của Đoàn trong thời gian tới	60 - 62
II Các giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh phong trào sáng tạo trẻ trong thời gian tới	62 - 84
III Các khuyến nghị - đề xuất	84 - 86
KẾT LUẬN	87 - 88

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

TNCS	Thanh niên cộng sản
KHKT	Khoa học kỹ thuật
KH-CN	Khoa học – Công nghệ
BCH	Ban chấp hành
ĐV, TN	Đoàn viên, thanh niên
TN	Thanh niên
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
LĐST	Lao động sáng tạo
TNCN	Thanh niên công nhân
TNNT	Thanh niên nông thôn
CLB	Câu lạc bộ
TBKT	Tiến bộ kỹ thuật
CAND	Công an nhân dân
ANTQ	An ninh tổ quốc
TƯ Đoàn	Trung ương Đoàn

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Tính cấp thiết của đề tài:

1.1 Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: “Phát triển Khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước... Trong 5 năm tới cần tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành quả khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh”.

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong công tác xã hội hoá khoa học-công nghệ. Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị nêu rõ: “Các tổ chức Nhà nước và Đoàn thể quần chúng cần mở rộng các cuộc thi tay nghề, bồi dưỡng người lao động giỏi trong sản xuất. Hướng dẫn và thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua sáng tạo về khoa học và công nghệ, nhất là trong thanh niên”.

1.2 Xác định *Sáng tạo là phẩm chất của thanh niên* nên từ khi thành lập đến nay, tổ chức Đoàn đã triển khai nhiều phong trào với mục tiêu tạo môi trường thuận lợi để phát huy vai trò sáng tạo của thanh niên. Ngay từ những ngày đầu hoà bình lập lại trên miền Bắc nước ta, cùng với chủ trương “Hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế” từ những năm cuối thập kỷ 50 của Đảng, Đoàn TN Lao động Việt Nam đã phát động phong trào “Lao động sáng tạo - tình nguyện vượt mức kế hoạch” trong đoàn viên và thanh niên miền Bắc. Phong trào đã tập hợp đông đảo đoàn viên và thanh niên tham gia với các nội dung như “Thi tay nghề, chọn thợ giỏi, “sáng kiến hay, tay nghề giỏi”, “Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm vật tư” v.v... Phong trào LDST những năm đó đã thu hút hàng chục vạn đoàn viên thanh niên trong các đơn vị sản xuất công nghiệp, dịch vụ và kinh doanh tham gia, trở thành mũi nhọn góp phần đắc lực thực hiện chủ trương “Hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế” của Đảng. Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đoàn lần thứ 10 khoá VI với việc Đoàn thanh niên

phát động phong trào “Thanh niên lập nghiệp và tuổi trẻ giữ nước” được tuổi trẻ khắp mọi miền đất nước hăng hái tham gia. Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ VII (tháng 11/1997) vẫn tiếp tục xác định quan điểm và chủ trương của Đoàn về đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, tiếp thu khoa học, công nghệ mới trong thanh niên. Trong chương trình hành động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tuổi trẻ Việt Nam tham gia phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1997 - 2002 đã xác định: *“Tổ chức và động viên thanh niên tiến quân vào khoa học - công nghệ. Phát động các phong trào, các cuộc vận động khuyến khích thanh niên phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; phát hiện, bồi dưỡng và chăm sóc tài năng trẻ trong lĩnh vực khoa học công nghệ”*.

1.3 Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng cũng phải thẳng thắn nhìn nhận trong thời gian vừa qua, hoạt động của Đoàn với mục tiêu cổ vũ, động viên, định hướng cho thanh niên trong việc phát huy vai trò sáng tạo còn một số tồn tại hạn chế sau:

- Công tác chỉ đạo của Đoàn về phong trào lao động sáng tạo còn chung chung, dàn trải, chưa có những giải pháp đi sâu vào từng đối tượng thanh niên. Việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm của các cấp bộ Đoàn còn chưa kịp thời. Công tác chỉ đạo phong trào ở một số địa phương chưa sâu sát. Phương thức chỉ đạo cơ bản bằng hình thức văn bản, ít cử cán bộ xuống tận cơ sở chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc.

- Vai trò, năng lực và điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ đoàn cơ sở còn hạn chế, ít có khả năng đề xuất và sáng tạo trong chỉ đạo phong trào lao động sáng tạo của thanh niên.

- Điều kiện cho Đoàn và đoàn viên thanh niên tổ chức và tham gia hoạt động lao động sáng tạo, tiếp thu khoa học công nghệ mới ở cơ sở còn hạn chế, thiếu đồng bộ. Đó là điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và trình độ của cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên còn thấp.

- Hình thức, phương thức tổ chức hoạt động lao động sáng tạo của Đoàn chưa có nhiều đổi mới. Các mô hình, biện pháp của Đoàn nhằm tạo

điều kiện, giúp đỡ đoàn viên thanh niên hoạt động sáng tạo còn hạn chế, có nơi kém hơn so với trước.

1.4 Trong thời gian qua, đã có nhiều Đề tài nghiên cứu về các hoạt động sáng tạo trong thanh niên, các mô hình, hình thức hoạt động của tổ chức Đoàn nhằm phát huy vai trò sáng tạo của thanh niên. Tuy nhiên, những đề tài nghiên cứu này mới tập trung nghiên cứu những vấn đề cụ thể, chưa nghiên cứu một cách tổng thể với cách tiếp cận sáng tạo trẻ là một phong trào.

1.5 Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII đã phát động phong trào “Sáng tạo trẻ” trong tất cả các đối tượng thanh niên. Nhằm khơi dậy và phát huy phẩm chất, tiềm năng sáng tạo, tinh thần xung kích của đoàn viên, thanh niên trong thi đua lao động, học tập nâng cao trình độ nhằm tiếp thu khoa học - công nghệ hiện đại, làm chủ và vận hành máy móc, thiết bị tiên tiến; Tạo điều kiện, môi trường cho đoàn viên, thanh niên tổ chức các hoạt động sáng tạo góp phần xây dựng và phát triển doanh nghiệp, địa phương, đất nước và thông qua phong trào để nâng cao chất lượng đoàn viên, thanh niên, chất lượng, uy tín của tổ chức Đoàn, Hội và đào tạo nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao cho thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Xuất phát từ những vấn đề trên, Ban thanh niên Công nhân và Đô thị chọn vấn đề *“Vai trò của Đoàn thanh niên với phong trào Sáng tạo trẻ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”* làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu:

Tìm ra các giải pháp để phát huy vai trò của tổ chức Đoàn đối với phong trào “Sáng tạo trẻ” trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống cơ sở lý luận về vai trò của Đoàn thanh niên đối với các phong trào, các hoạt động lao động sáng tạo của thanh niên.

- Nghiên cứu thực trạng các phong trào, các hoạt động sáng tạo của thanh niên nhằm tổng kết, đánh giá, rút ra những kinh nghiệm, cách làm

hay của Đoàn thanh niên đối với các hoạt động khoa học kỹ thuật và công nghệ của thanh niên thời gian từ Đại hội Đoàn VII đến nay.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của tổ chức Đoàn trong chỉ đạo phong trào “Sáng tạo trẻ”, góp phần thực hiện các chủ chương của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Các hoạt động sáng tạo của thanh niên do Đoàn thanh niên tổ chức và chỉ đạo.

Khách thể nghiên cứu: tổ chức Đoàn, cán bộ, đoàn viên thanh niên.

5. Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài tập trung nghiên cứu vai trò của tổ chức Đoàn (chủ yếu ở cấp Trung ương Đoàn, các tỉnh, thành Đoàn, một số Đoàn trực thuộc) đối với các hoạt động sáng tạo trong nhiệm kỳ Đại hội Đoàn VII, VIII.

- Về khách thể nghiên cứu: do thời gian và khả năng kinh phí có hạn nên đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một số đối tượng thanh niên: công nhân, viên chức, nông thôn, học sinh, sinh viên, thanh niên trong quân đội và công an.

- Về địa bàn nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu phong trào “Sáng tạo trẻ” tại một số tỉnh, thành Đoàn: Hà Nội, Đà Nẵng, T.p Hồ Chí Minh.

6. Phương pháp nghiên cứu:

- Phân tích tổng hợp tài liệu có liên quan đến các hoạt động khoa học, công nghệ, hoạt động sáng tạo của thanh niên từ khi thành lập tổ chức Đoàn đến nay, đặc biệt là trong các nhiệm kỳ Đại hội Đoàn V, VI, VII.

- Tổng kết các hoạt động lớn về khoa học công nghệ, sáng tạo trong thanh niên, từ đó chỉ đạo điểm việc triển khai phong trào Sáng tạo trẻ tại một số tỉnh, thành Đoàn để làm cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu.

- Điều tra xã hội học (điều tra qua 600 phiếu ở các đối tượng thanh niên, lấy ý kiến của chuyên gia, hội thảo khoa học...)

7. Sản phẩm nghiên cứu:

- Báo cáo khoa học kết quả nghiên cứu của đề tài.
- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.
- Kỷ yếu hội thảo về đề tài.
- Bảng tổng hợp kết quả xử lý phân điều tra xã hội học.

8. Cơ quan phối hợp nghiên cứu:

- Ban thanh niên Nông thôn TƯ Đoàn.
- Ban thanh niên Trường học TƯ Đoàn.
- Đoàn thanh niên Quân Đội, Công an
- Đoàn thanh niên Đường Sắt, Hàng Không và một số Tổng công ty lớn.
- Trung tâm Khoa học Công nghệ và Tài năng trẻ TƯ Đoàn.
- Một số tỉnh, thành Đoàn địa bàn nghiên cứu.
- Một số nhà khoa học thuộc các Viện nghiên cứu và quản lý khoa học.

9. Cơ quan chủ trì đề tài:

Ban thanh niên Công nhân và Đô thị Trung ương Đoàn.

10. Chủ nhiệm đề tài:

Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – UVTV, Trưởng Ban thanh niên Công nhân và Đô thị.

11. Các cá nhân tham gia nghiên cứu

- Ông Phan Văn Long – UVTV, Trưởng Ban thanh niên Quân đội.
- Ông Nguyễn Quốc Văn – UVTV, Trưởng Ban thanh niên Công an
- Ông Phạm Nguyễn Chiến- Phó bí thư Đoàn ngành Đường sắt
- Ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Ban thanh niên Nông thôn – TƯ Đoàn
- Ông Mai Ngọc Bích – Phó Ban thanh niên Công nhân Đô thị – TƯ Đoàn
- Ông Dương Vũ Hân – Chuyên viên Ban thanh niên Công nhân Đô thị Trung ương Đoàn

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Khái niệm về phong trào thanh niên.

- Theo từ điển tiếng Việt xuất bản năm 1997: “Phong trào là một hình thức, phương thức hoạt động của một tập thể con người, được một tổ chức đứng ra tập hợp và hướng dẫn nhằm thực hiện một số công việc cụ thể (phong trào lao động, phong trào ca hát, phong trào thể dục...)”.

Trong khái niệm trên, ta thấy phong trào có 3 yếu tố cơ bản là: phải có một tập thể đứng ra tổ chức; phải có lực lượng quần chúng tham gia; phải giải quyết những vấn đề cụ thể.

- *Phong trào thanh niên* là phương thức hoạt động của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội sinh viên Việt Nam nhằm tập hợp thanh niên vào hoạt động tập thể. Thông qua phong trào nhằm bồi dưỡng phát huy vai trò của thanh niên trong rèn luyện; học tập; lao động sản xuất và công tác để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, trong phong trào thanh niên ta thấy có ba yếu tố¹:

+ Tập thể đứng ra tổ chức là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam và Hội sinh viên Việt Nam, (cấp Trung ương, cấp tỉnh thành, cấp quận huyện và cấp cơ sở).

+ Phương pháp tổ chức phong trào thanh niên là huy động tập hợp lực lượng thanh niên tham gia, cũng có thể lực lượng thanh niên là nòng cốt, với sự tham gia của các thành phần khác.

+ Phong trào thanh niên nhằm vào mục tiêu:

Giúp thanh niên được cống hiến, được trưởng thành, giúp Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội, giúp xây dựng Đoàn và Hội vững mạnh.

2. Khái niệm về khoa học:

¹ TS. Trần Văn Miêu, đề tài: Định hướng nghiên cứu về phong trào TNVN năm 2001

Từ điển tiếng Việt nêu một số khái niệm về khoa học gồm: *Thứ nhất*, hệ thống tri thức tích lũy trong quá trình lịch sử và được thực tiễn chứng minh, phản ánh những quy luật khách quan của thế giới bên ngoài cũng như của hoạt động tinh thần của con người, giúp con người có khả năng tái tạo thế giới (có tính chất khoa học, thuộc khoa học); *thứ hai*, ngành của từng hệ thống tri thức nói trên (phù hợp với những đòi hỏi của khoa học: khách quan, chính xác, có hệ thống)².

Khái niệm khoa học còn được định nghĩa theo các khác: là khái niệm dùng để chỉ hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy (Luật khoa học và công nghệ, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000). Một số khía cạnh đáng chú ý của định nghĩa này là:

- Hệ thống tri thức ở đây bao gồm: các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật, định luật... Tùy thuộc vào các lĩnh vực khoa học khác nhau (tự nhiên, kỹ thuật, xã hội và nhân văn) mà người ta sử dụng các thuật ngữ tương ứng (Ví dụ: trong toán học có định lý, tiên đề; trong vật lý có định luật; trong khoa học xã hội nhân văn có các phạm trù, quy luật...).

- Hệ thống tri thức này hình thành trong lịch sử và không ngừng phát triển trên cơ sở thực tiễn xã hội.

- Nhiệm vụ của khoa học là phát hiện ra bản chất của những sự vật, hiện tượng, cũng những quy luật vốn có của thế giới khách quan và sử dụng chúng trong thực tiễn sản xuất và đời sống. Sứ mệnh vẻ vang của khoa học là giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc vào tự nhiên, khỏi những áp bức, bất công xã hội, đi tới những tiến bộ xã hội chân chính.

3. Khái niệm công nghệ:

Từ điển bách khoa Việt Nam, tập I nêu khái niệm về công nghệ như sau: “Công nghệ là môn khoa học ứng dụng, nhằm vận dụng các quy luật của tự nhiên và nguyên lý khoa học, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Công nghệ là phương tiện kỹ thuật, là sự thể hiện vật chất hoá các

² Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển khoa học, NXB Đà Nẵng, 2003

tri thức ứng dụng khoa học. Công nghệ là một tập hợp các cách thức, các phương pháp dựa trên cơ sở khoa học và được sử dụng vào sản xuất trong các ngành sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ”.

Trong Luật khoa học và công nghệ được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2000, khái niệm công nghệ được xác định như một thuật ngữ mang tính pháp lý: “ Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm”.

Trong định nghĩa trên cần lưu ý một số điểm sau đây:

- Công nghệ là một tập hợp... thuật ngữ “tập hợp” ở đây cần được hiểu là tổng thể các yếu tố cấu thành công nghệ, chứ không phải là tổng số, là con số cộng đơn giản của các thành tố đó.

- Thuật ngữ các nguồn lực ở đây bao gồm cả: nhân lực, vật lực, tài lực.

- Sản phẩm ở đây bao gồm cả những sản phẩm hữu hình và vô hình, dưới dạng vật thể và phi vật thể (chẳng hạn thông tin, dịch vụ).

4. Hoạt động khoa học và công nghệ

Hoạt động là một phương pháp đặc thù của con người trong mối quan hệ với thế giới xung quanh; một quá trình qua đó con người tái sản xuất và cải tạo giới tự nhiên, cải tạo xã hội, do đó làm cho bản thân mình trở thành chủ thể hoạt động và làm cho những hiện tượng tự nhiên mà con người nắm được trở thành khách thể hoạt động của mình.

Hoạt động khoa học và công nghệ, theo Luật khoa học và công nghệ, bao gồm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu khoa học là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy, sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng.

- Phát triển công nghệ là hoạt động nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới. Phát triển công nghệ bao gồm triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm.

- Triển khai thực nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới.

- Sản xuất thử nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất, thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, trước khi đưa sản xuất vào đời sống.

- Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học, công nghệ và kinh nghiệm thực tế.

5. Khái niệm về sáng tạo.

Theo từ điển tiếng Việt khái niệm về sáng tạo bao gồm hai khía cạnh: *Thứ nhất*, sáng tạo ra những giá trị mới nhất về vật chất và tinh thần; *Thứ hai*, sáng tạo là tìm ra cái mới, không bị gò bó, phụ thuộc vào cái đã có.

Có thể nhận diện sáng tạo ở 3 cấp độ sau đây:

- Sáng tạo như là hoạt động sống độc lập của con người. Ở cấp độ này, quá trình hoạt động sống, hoạt động phát triển cá nhân chính là quá trình hình thành nhân cách, sáng tạo ra con người. Quá trình đó đòi hỏi nhân tố sáng tạo phải được thể hiện trong hoạt động của mỗi con người từ vui chơi giải trí đến học tập, công tác.

- Sáng tạo như là một cải tiến, nâng cấp những cái đã có lên trình độ cao hơn. Ở cấp độ này, sáng tạo đòi hỏi những nỗ lực cao hơn về tâm lý. Chủ thể sáng tạo phải có khả năng tìm tòi, đánh giá các kinh nghiệm đang được vận dụng; phải có khả năng vượt qua những khuôn mẫu, những giải pháp thông thường. Thành quả của sáng tạo phải có ý nghĩa nhất định với xã hội, được xã hội chấp nhận và đánh giá như là sáng kiến cải tiến.

- Sáng tạo là hoạt động sáng tạo ra cái mới về chất. Đây là cấp độ cao nhất của hoạt động sáng tạo. Nó đòi hỏi những năng lực đặc biệt của chủ thể. Nói khác đi, chủ thể của sáng tạo ở cấp độ này phải là những tài năng, những thiên tài, còn

thành quả sáng tạo là các sáng chế, phát minh, các tác phẩm nghệ thuật, các lý thuyết khoa học.

Cấp độ thứ nhất và thứ hai của sáng tạo rất gần gũi với thanh niên, bởi vì thanh niên là người luôn tìm tòi cái mới, thích khám phá.

6. Khái niệm về hoạt động sáng tạo.

Sáng tạo là một phẩm chất, một năng lực gắn liền với con người, tiêu biểu cho con người. Năng lực đó có cơ sở sinh học nhưng không quy giảm về sinh học. Nó được hình thành và phát triển được thể hiện và thực hiện trong mọi hoạt động sống của con người. Như vậy hoạt động lao động sản xuất của con người về bản chất là hoạt động sáng tạo, con người không chỉ sáng tạo ra các điều kiện duy trì sự tồn tại của mình mà còn cải biến chính bản thân mình.

Trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên”, Ăngghen viết: “Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: Lao động đã sáng tạo ra chính bản thân con người”.

Hoạt động sáng tạo hiện diện trong mọi dạng hoạt động của con người: cùng với những sáng tạo trong lao động sản xuất, con người còn sáng tạo trong văn học, nghệ thuật, sáng tạo ra các thiết chế xã hội, các quan hệ xã hội, các hình thái ý thức... Chúng là những sản phẩm sáng tạo đa dạng của con người.

Tuy vậy không phải mọi lúc, mọi nơi con người đều có thể sáng tạo. Những hoạt động trong khuôn khổ của những quan niệm, những giải pháp quá lỗi thời, không đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển và sự tiến bộ xã hội, hoặc sự sao chép, sự bắt chước đơn giản cùng những hoạt động kém hiệu quả, kém chất lượng... đều không tiêu biểu cho sức sáng tạo của con người. Chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh viện, chủ nghĩa bảo thủ... là những đối lập với sáng tạo.

7. Một số loại hình hoạt động sáng tạo cơ bản.

Sáng tạo hiện diện trong mọi dạng hoạt động tích cực của con người, tính đa dạng của các hoạt động người quy định tính đa dạng của sáng tạo.

Bởi vậy khi phân loại sáng tạo, thường người ta căn cứ vào đặc trưng nghề nghiệp của con người.

Dựa trên tiêu trí ấy, sáng tạo của con người được phân thành các loại hình cơ bản sau:

Hoạt động sáng tạo trong lao động sản xuất.

Trong lao động sản xuất, nhân tố sáng tạo thể hiện trước hết ở các giải pháp kỹ thuật, các công cụ máy móc mới, công nghệ mới, bảo đảm cho sản xuất đạt năng suất cao, chất lượng tốt giá thành hạ hao phí ít nhân lực, vật lực, tài lực. Ở loại hình này, nhân tố sáng tạo gắn liền với sáng chế kỹ thuật, công nghệ sản xuất.

Để làm được điều đó, trước kia thường người ta chỉ biết đến phương pháp thử đúng – sai. Nhu cầu phát triển sản xuất, cùng những tiến bộ của khoa học đã hình thành khoa học về sáng tạo. Ngày nay khoa học về sáng chế đã tích lũy được 40 thủ thuật tư duy sáng tạo kỹ thuật, đồng thời người ta cũng đã xây dựng được 30 phương pháp sáng tạo kỹ thuật. Tuy nhiên các thủ thuật phương pháp này không phải là các giải pháp vạn năng, chúng chỉ có tác dụng định hướng và tích cực hóa tư duy, giúp những nhà sáng chế tiết kiệm được thời gian và công sức trong quá trình sáng tạo.

Hoạt động sáng tạo trong quản lý: quản lý, ở đây, được đề cập trên bình diện vĩ mô tức quản lý Nhà nước, cả trên bình diện vi mô tức quản lý địa phương, ngành hoặc một tổ chức, một đơn vị sản xuất, hoặc một đơn vị xã hội. Trong hoạt động quản lý, nhân tố sáng tạo được thể hiện ở khả năng bao quát toàn cục của Chủ thể quản lý. Nhờ khả năng này, chủ thể quản lý phát hiện nhanh chóng những sự mất cân đối, những mâu thuẫn trong một hệ thống tổ chức nhất định với tư cách là đối tượng của quản lý. Trên cơ sở đó chủ thể quản lý xác định các giải pháp tối ưu nhằm khắc phục những hạn chế, sự mất cân đối, bảo đảm cho đối tượng quản lý vận động và phát triển hài hòa.

Để quản lý một cách sáng tạo đạt hiệu quả cao, chủ thể quản lý cần có một vốn trí thức rộng, kết hợp những kinh nghiệm, thực tiễn phong phú, có khả năng phân tích tổng hợp lại vừa phải có khả năng dự đoán xu thế phát triển của đối tượng. Khả năng ấy vừa dựa trên trí thức, vừa dựa trên

năng khiếu, sự mẫn cảm, trí tưởng tượng, năng lực trực giác. Chính vì vậy hoạt động quản lý được coi vừa như một khoa học vừa như một nghệ thuật.

Sáng tạo nghệ thuật: Sáng tạo nghệ thuật là một loại hình hoạt động tinh thần - thực tiễn, là sự chiếm lĩnh hiện thực một cách tình cảm – cảm xúc của con người. Về bản chất, sáng tạo nghệ thuật là sự thống nhất giữa phản ánh hiện thực và biểu hiện tình cảm của nghệ sĩ. Sáng tạo nghệ thuật đòi hỏi một tài năng nhất định, hơn thế một tài năng đặc thù. Nghệ sĩ phải kết hợp được trong bản thân mình không chỉ năng lực nhận thức mà cả năng lực biểu hiện, không chỉ trí tuệ mà cả tình cảm, không chỉ về phân tích, khả năng tư duy logic mà cả năng lực cảm xúc, tưởng tượng, trực giác... Sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật không chỉ có người nghệ sĩ mà còn bao gồm sáng tạo của người thưởng thức, người phê bình nghệ thuật.

Sáng tạo khoa học: Sáng tạo khoa học là một loại hình hoạt động sáng tạo đặc thù mà mục đích trực tiếp là phát hiện bản chất, những quy luật chi phối sự hình thành và phát triển của một hoặc nhóm khách thể nhất định, là tạo ra những tri thức xác thực về tự nhiên, xã hội và tư duy. Nếu kết quả của hoạt động sáng tạo trong sản xuất, quản lý, nghệ thuật... có hình thức tồn tại cảm tính – trực tiếp, thì kết quả của hoạt động khoa học lại có hình thức gián tiếp – trừu tượng. Trong sáng tạo khoa học, sự thể hiện và thực hiện các sức mạnh bản chất của con người có tính đặc biệt. Về đặc điểm này, Hegen từng viết *“khi tôi suy nghĩ, tôi tách khỏi đặc điểm chủ quan của mình, tiến sâu vào đối tượng, buộc tư duy tác động một cách độc lập”*.

Trên đây là những loại hình hoạt động sáng tạo cơ bản của con người. Về nguyên tắc có bao nhiêu loại hình hoạt động là có bấy nhiêu loại hình sáng tạo.

8. Khái niệm Sáng tạo trẻ

Sáng tạo trẻ được hiểu là sáng tạo của những người trẻ tuổi, hay nói cách khác, đó chính là sáng tạo của thanh thiếu niên. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, chúng tôi nghiên cứu sáng tạo của thanh niên.

Như vậy, Sáng tạo trẻ có đầy đủ các yếu tố của sáng tạo như đã phân tích ở trên và đối tượng tham gia là thanh niên.

9. Khái niệm phong trào Sáng tạo trẻ

Trong thời đại khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, các hoạt động sáng tạo, phong trào “Lao động sáng tạo” vẫn có giá trị thực tiễn đối với thanh niên. Song để nâng lên tầm cao mới, thanh niên không chỉ lao động sáng tạo mà phải vươn lên để tiếp thu, làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại. Mặt khác, để thu hút, tập hợp thanh niên tham gia vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thì cần phải có một phong trào mới thay thế các phong trào cũ. Phong trào đó phải gắn liền với xu hướng phát triển xã hội của thanh niên.

Từ thực tiễn nghiên cứu và căn cứ vào các lý do trên, chúng tôi *đề xuất phong trào mới là Phong trào Sáng tạo trẻ*.

Phong trào này có ý nghĩa:

- Sáng tạo là phẩm chất của thanh niên. Vai trò của tổ chức Đoàn là khơi dậy và phát huy phẩm chất đó.

- Nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới là ý chí vươn lên của thanh niên trong thời đại kinh tế tri thức, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nội dung chính của phong trào Sáng tạo trẻ là:

- Động viên khuyến khích đoàn viên, thanh niên đề xuất các ý tưởng, các phát minh sáng chế, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, các ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tiên tiến.

- Đẩy mạnh các hoạt động học tập, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ.

- Đảm nhận các công trình khoa học kỹ thuật, các công trình sáng tạo.

II. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, ĐOÀN THANH NIÊN VỀ VAI TRÒ CỦA ĐOÀN, ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN THAM GIA PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

~~Đoàn TN -~~ **1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Đoàn thanh niên về vai trò của thanh niên tham gia phát triển khoa học và công nghệ.** *và phong trào sáng tạo trẻ*

Đoàn TN - **a. Quan điểm của Đảng, Nhà nước:**

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định vai trò quan trọng của khoa học

và công nghệ trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng khóa VI năm 1991 về “Khoa học và công nghệ trong thời kỳ đổi mới” đã nêu rõ: “Khoa học và công nghệ không chỉ là động lực phát triển kinh tế xã hội mà còn là động lực quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và là cơ sở để củng cố và nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo và vị trí tiên phong của Đảng”³³. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII xác định: “Khoa học và công nghệ phải trở thành nền tảng và động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX một lần nữa khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Từ những nhận thức, quan điểm đó, Đảng và Nhà nước luôn tập trung lãnh đạo xây dựng các định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ và các chính sách thu hút đầu tư các tiến bộ khoa học tiên tiến và công nghệ hiện đại từ nước ngoài vào, từng bước phát huy năng lực khoa học kỹ thuật, công nghệ trong nước. Một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước chú trọng chỉ đạo đó là tiến hành xã hội hóa khoa học và công nghệ: động viên khuyến khích các ngành, các cấp, các tầng lớp xã hội tham gia ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ. Nghị quyết 26NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa VI) về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới đã xác định: “Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học. Công nghệ trong nhân dân. Các ngành các cấp, các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế cần chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác của mình”.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa khoa học và công nghệ, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng, vai trò của Đoàn thanh niên và thế hệ trẻ Việt Nam. Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị nêu rõ: “Các tổ chức Nhà nước và Đoàn thể quần chúng cần mở rộng các

³ Nghị quyết 26 Bộ Chính trị về KH-CN trong sự nghiệp đổi mới, Trang 10

cuộc thi tay nghề, bồi dưỡng người lao động giỏi trong sản xuất. Hướng dẫn và thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua sáng tạo về khoa học và công nghệ, nhất là trong thanh niên”⁴. Quan điểm đó tiếp tục được xác định, trong Văn kiện Đại hội Đảng IX: “Đối với thế hệ trẻ, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp, giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁵. Chủ trương quan trọng này đã được triển khai đầy đủ và cụ thể trong chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2010 của Chính phủ, trong đó nêu rõ mục tiêu tổng quát của chiến lược là: “Giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo thế hệ thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, trở thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”⁶.

~~Quan điểm, chủ trương chỉ đạo của Đoàn thanh niên:~~
~~Văn kiện ĐTN về hoạt động (TN)~~

Lao động sáng tạo, tiếp thu khoa học công nghệ mới của thanh niên là một phong trào lớn của Đoàn. Ngay từ những ngày đầu hoà bình lập lại trên miền Bắc nước ta, Đoàn TN Lao động Việt Nam đã phát động phong trào “Lao động sáng tạo - tình nguyện vượt mức kế hoạch” trong đoàn viên và thanh niên miền Bắc, với các nội dung như “Thi tay nghề, chọn thợ giỏi, “sáng kiến hay, tay nghề giỏi”, “Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm vật tư”...

Nghị quyết đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ V đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, tiến quân vào khoa học kỹ thuật trong thanh niên; động viên đoàn viên thanh niên hăng hái phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất”⁷. Trên cơ sở đó Trung ương Đoàn đã thành lập “Ban Khoa học kỹ thuật trẻ” để theo dõi, đôn đốc và tổ chức các hoạt động khoa học - kỹ thuật trong thanh niên. Mạng lưới Ban,

⁴ Nghị quyết đã nêu – trang 15

⁵ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, Tr126.

⁶ Văn kiện Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ V, NXB thanh niên.

tiểu ban Khoa học kỹ thuật trẻ đã hình thành và phát triển đến các tỉnh, thành đoàn và hầu hết các đoàn cơ sở.

Quan điểm và chủ trương đẩy mạnh hoạt động nâng cao trình độ văn hoá, KHKT, chuyên môn, nghiệp vụ cho đoàn viên thanh niên của Trung ương Đoàn đã tiếp tục được đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VI nhấn mạnh trong chương trình “Thanh niên học tập và sáng tạo”. Nghị quyết nêu rõ: “Cổ vũ, giúp đỡ thanh niên và các nhóm thanh niên tự học tập để nâng cao trình độ văn hoá, KHKT, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ; khuyến khích các hoạt động sáng tạo của thanh niên”.

Để tạo điều kiện cho đoàn viên, thanh niên có điều kiện và cơ chế hoạt động KHKT, tiếp thu khoa học - công nghệ mới. Ngày 25/3/1995 Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã chủ động phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ^{Chương trình phối hợp giữa Bộ KH - CN và TW Đoàn} ban hành chương trình phối hợp “Động viên tuổi trẻ cả nước đẩy mạnh các hoạt động khoa học - công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Một trong những mục tiêu cơ bản của Chương trình phối hợp là: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của hai bên nhằm tạo ra cơ chế phối hợp theo hệ thống từ Trung ương đến cơ sở; phát huy tiềm năng sáng tạo của tuổi trẻ, hỗ trợ thanh niên đi đầu áp dụng các thành quả của khoa học, công nghệ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống, bảo vệ môi trường”⁸.

Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ VII (tháng 11/1997) cũng xác định quan điểm và chủ trương của Đoàn về đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, tiếp thu khoa học, công nghệ mới trong thanh niên. Trong chương trình hành động, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tuổi trẻ Việt Nam tham gia phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1997 - 2002: “Tổ chức và động viên thanh niên tiến quân vào khoa học - công nghệ. Phát động các phong trào, các cuộc vận động khuyến khích thanh niên phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; phát hiện, bồi dưỡng và chăm sóc tài năng trẻ trong lĩnh vực KH - CN”⁹.

⁷ Chương trình phối hợp giữa Bộ KH - CN và Môi trường và TW Đoàn ngày 25/3/1995 Tr.1

⁸ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - lần thứ VII - Nxb TN - 1997 - tr.64

Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII tiếp tục phát động phong trào “Thi đua, tình nguyện xây dựng và Bảo vệ tổ quốc” với 4 nội dung chính trong đó có nội dung *Thanh niên thi đua học tập, đi đầu xây dựng xã hội học tập và tiến quân vào khoa học, công nghệ* với mục tiêu: “...Tổ chức, động viên thanh niên xung kích thực hiện chiến lược giáo dục đào tạo, khoa học - công nghệ của Đảng và Nhà nước, đi đầu xây dựng xã hội học tập và tiến quân vào khoa học, công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

Như vậy BCH Trung ương Đoàn luôn xác định quan điểm và chủ trương đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo và các hoạt động sáng tạo trong thanh niên, coi đây là một trong những mũi nhọn của công tác Đoàn nhằm đưa đoàn viên thanh niên tham gia một cách có hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Vai trò của tổ chức Đoàn với phong trào Sáng tạo trẻ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. *(Đang vẫn phát huy truyền thống)*

2.1 Nâng cao nhận thức và định hướng mục tiêu, cách thức tham gia vào phong trào sáng tạo trẻ cho thanh niên.

Sáng tạo trẻ là một phong trào mới. Kết quả điều tra xã hội học của nhóm nghiên cứu thấy rằng: phần lớn các nội dung của phong trào Sáng tạo trẻ đều được thanh niên tích cực tham gia và khẳng định có ích cho công việc. Tuy nhiên khi hỏi “Bạn biết gì về phong trào Sáng tạo trẻ” thì đại bộ phận trả lời là chưa biết. Như vậy, tổ chức Đoàn cần tăng cường công tác tuyên truyền về nội dung, mục tiêu của phong trào Sáng tạo trẻ đến với đông đảo thanh niên, qua đó nâng cao nhận thức của thanh niên về phong trào Sáng tạo trẻ. Có như vậy, phong trào Sáng tạo trẻ mới thực sự có sức sống trong thanh niên, trở thành động lực quan trọng trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mặt khác, để phong trào thực sự phát huy hiệu quả thì tổ chức Đoàn cần phải làm cho thanh niên ý thức được rằng: Sáng tạo là một việc bình thường trong cuộc sống, nó không quá cao siêu, bất cứ ai, làm việc gì cũng cần sáng tạo. Từ đó, làm cho thanh niên có nhận thức rằng ai cũng có thể

tham gia phong trào Sáng tạo trẻ, vấn đề là báo cáo ý tưởng, sáng kiến của mình với tổ chức Đoàn để đoàn thanh niên hỗ trợ và giúp đỡ.

2.2 Tạo môi trường thuận lợi cho phong trào sáng tạo trẻ phát triển và đạt hiệu quả cao.

Chúng ta đã nghiên cứu đến hoạt động sáng tạo của con người, trong đó những yếu tố xã hội – giáo dục giữ vai trò cực kỳ quan trọng. Môi trường sáng tạo, là tập hợp những yếu tố xã hội – giáo dục, đó là: cơ chế xã hội, các chế độ chính sách, hệ thống giáo dục xã hội cũng như những điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển năng lực sáng tạo. Chính vì vậy để tạo môi trường thuận lợi cho phong trào, Đoàn cần tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ về kinh phí, phương tiện, thời gian, điều kiện học tập tiếp thu thông tin, đãi ngộ và sử dụng tài năng... và trên hết là một môi trường hăng say thi đua sáng tạo, môi trường dân chủ đoàn kết vượt mọi khó khăn làm chủ KH và CN.

Đoàn thanh niên nắm bắt nhiệm vụ kinh tế – xã hội của địa phương đơn vị để tham mưu đề xuất với Đảng và chính quyền, tạo điều kiện cho TN tham gia các phong trào sáng tạo, phát hiện và khuyến khích phát triển tài năng, đem lại lợi ích về vật chất, tinh thần và sự tiến bộ của TN.

Đoàn thanh niên phối hợp với các bộ ngành, Đoàn thể xã hội tạo điều kiện hỗ trợ cho phong trào: tạo cơ chế chính sách, chế độ trách nhiệm, hỗ trợ kinh phí phương tiện, xây dựng quỹ sáng tạo, các giải thưởng, chính sách khuyến khích phát triển tài năng, ứng dụng nhân rộng các sáng kiến, phát minh; phối hợp với các Bộ, Ngành thực hiện chiến lược phát triển TN Việt Nam, đề xuất tham mưu cho Đảng và Nhà nước về phát triển KHCN trong TN, đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.3. Định hướng, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào thông qua các mô hình hình thức hoạt động sáng tạo trong thanh niên

Đoàn thanh niên các cấp cần xác định và chỉ rõ cho cán bộ Đoàn và Đoàn viên thanh niên tham gia phong trào sáng tạo ở cơ sở mình là sẽ làm việc gì? ai làm? làm như thế nào? đạt mục đích hiệu quả gì cho ĐVTN và

cho tổ chức Đoàn? Để hoàn thành vai trò định hướng Đoàn TN phải tiến hành nghiên cứu khảo sát, đề xuất, xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể và chi tiết.

Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào Đoàn TN tiến hành phát động phong trào, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra, tổng kết đúc rút kinh nghiệm, làm công tác khen thưởng, kỷ luật, nhân rộng những cách làm hay những điển hình mô hình tốt, thu hút tập hợp ngày càng đông đảo ĐVTN tham gia phong trào Sáng tạo trẻ.

2.4. Tuyên truyền, cổ vũ động viên phong trào:

Đoàn thanh niên đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong ĐVTN, trong xã hội về phong trào Sáng tạo trẻ. Tạo nguồn lực cần thiết và sự ủng hộ của dư luận xã hội để mọi người có thể tiếp nhận được thông tin, nâng cao nhận thức, có thái độ đúng đắn, cùng chia sẻ kinh nghiệm trong các hoạt động sáng tạo của thanh niên.

Động viên, cổ vũ thanh niên tham gia các hoạt động sáng tạo. Tuyên truyền về các hoạt động của phong trào, những gương điển hình của phong trào. Tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước phát triển KHCN, và các chế độ chính sách cơ chế khuyến khích bảo vệ quyền lợi trong các hoạt động sáng tạo.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN TRONG VIỆC TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÁO, HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO TRONG THANH NIÊN

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ HỌC VẤN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM

Thanh niên Việt Nam chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu dân số, là nguồn nhân lực giàu tiềm năng của đất nước. Hiện nay nước ta có 28,8 triệu thanh niên (từ 15 đến 34 tuổi) chiếm 36% dân số cả nước và chiếm 55,5% lực lượng lao động xã hội. (Trong đó: Nam 49,6%, Nữ 50,4%). Theo thông báo của Quỹ dân số Liên hiệp quốc (UNFPA) Việt Nam là nước có lượng dân số trẻ cao so với khu vực với trên 60% dân số dưới 25 tuổi, là nguồn lao động dồi dào và đầy tiềm năng sáng tạo.

1. Về trình độ học vấn, tay nghề. *(Lấy tỷ quan Hời)*

Trong những năm qua, trình độ học vấn của thanh niên Việt Nam đã được nâng lên một bước. Số lượng thanh niên có trình độ đại học, cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, tiến sĩ, thạc sĩ ngày càng lớn. Tuy nhiên vấn đề nghiên cứu, học tập của thanh niên còn nhiều bất cập, số thanh niên được đào tạo còn mất cân đối, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Với cơ cấu đào tạo: 3,5 đại học- 1,5 trung học chuyên nghiệp - 1 công nhân kỹ thuật, trong khi đó cơ cấu hợp lý là 1:4:10; Sinh viên theo học các ngành khoa học cơ bản chỉ chiếm tỷ lệ 7,05% và khối kỹ thuật 17,36%, cả hai khối này đều đạt tỷ lệ thấp, đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu, làm chủ khoa học và công nghệ của thanh niên. Bên cạnh sự bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề đào tạo còn có sự hạn chế về chất lượng đào tạo, tri thức thu được còn nặng về lý thuyết, ít thực tế, chưa khuyến khích người học tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học.

Về trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ: Năm 1999 có khoảng 11,9% lực lượng lao động (chủ yếu là thanh niên) đã qua đào tạo, trong đó tỷ lệ lao động có bằng công nhân kỹ thuật chỉ vào khoảng 3,39%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2002 đạt 16% và năm 2003 là 17,5%.

Trong số lao động đã qua đào tạo, có sự khác biệt lớn giữa nông thôn và thành thị. Ở thành thị, tỷ lệ có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 44,6%, trong khi đó tỷ lệ này ở nông thôn chỉ là 11,89%. Bên cạnh đó, cơ cấu bậc thợ còn nhiều bất hợp lý, cụ thể là thợ bậc 1-2 chiếm 40%, bậc 3-4 chiếm 55%, thợ bậc cao chỉ chiếm có 5%, trong đó thợ bậc 7 chỉ có khoảng 4.000 người chiếm 0,15% trong tổng số công nhân kỹ thuật, đây là tỷ lệ quá thấp trước yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

2. Về phát triển tài năng trẻ. *Lấy Tỷ quan.*

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến phát triển nhân tài. Trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước nhấn mạnh: mục tiêu phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, làm cơ sở đào tạo nhân lực và là nguồn gốc để đào tạo và bồi dưỡng nhân tài. Nhiều năm qua ngành giáo dục nước ta đã thực hiện những chủ chương, biện pháp quan trọng trong phát hiện đào tạo, bồi dưỡng nhân tài và đến nay đã thu được những kết quả nhất định cả về số lượng và chất lượng; những tài năng trẻ được phát hiện, được đào tạo và phát triển; Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo trong 10 năm (1990 – 2000) cả nước đã có 218 lượt em học sinh dự thi học sinh giỏi quốc tế tại 31 nước về 6 môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Sinh học và Tiếng Nga. Trong đó có 177/218 em đạt giải chiếm tỷ lệ 81,2%. Trong 177 giải có 37 huy chương vàng, 72 huy chương bạc, 63 huy chương đồng và 5 giải khuyến khích. Những học sinh 2 năm liền đoạt giải như Nguyễn Bảo Châu, Đào Hải Long, Ngô Đắc Tuấn, Phạm Bảo Sơn, Bùi Thế Duy...

Về khả năng sáng tạo: những thành tích đã đạt được trên các lĩnh vực của thanh niên nhìn chung có thể khẳng định tính đa dạng, phong phú về khả năng sáng tạo của con người Việt Nam. Theo kết quả đo đạc tâm lý do chương trình KHXH-04-04¹⁰ tiến hành cho thấy người Việt Nam đạt mức tiềm năng sáng tạo khá (111,9) và đạt mức hành vi sáng tạo trung bình (95,1). Như vậy giữa tiềm năng sáng tạo và hành vi sáng tạo có khoảng cách

¹⁰ Phạm Minh Hạc – Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào CNH, HĐH. NXB Chính trị quốc gia HN 2001 tr 252.

đáng kể. Vấn đề là làm sao giải phóng được tiềm năng này thành năng lực hành động.

Để đào tạo bồi dưỡng nhân lực trình độ cao nhất là cán bộ khoa học công nghệ phục vụ các ngành mũi nhọn Đảng, Nhà nước ta đã có chủ trương chính sách “phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam”.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các Bộ ngành tuyển chọn 453 lưu học sinh, nghiên cứu sinh và thực tập sinh đi đào tạo tại nước ngoài bằng ngân sách nhà nước bắt đầu từ năm 2000. Bên cạnh đó Bộ Giáo dục và Đào tạo mở bốn cơ sở đào tạo cử nhân, kỹ sư tài năng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, đã đào tạo, tuyển chọn gửi đi nước ngoài đào tạo nhân tài cho đất nước.

Vấn đề quan tâm trong chính sách phát triển tài năng trẻ là việc sử dụng tài năng như thế nào? Sử dụng đúng tài năng là cơ sở để phát triển tài năng, thúc đẩy tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng. Hiện tượng chảy máu chất xám, thui chột tài năng do không được bố trí sử dụng đúng, chưa có chính sách khuyến khích đúng đắn, chưa tạo điều kiện làm việc... đã làm cho nhiều tài năng trẻ không phát huy được hết khả năng của mình.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nhân tài đối với sự phát triển của đất nước, Đảng và nhà nước luôn quan tâm đến phát triển nhân tài, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình dạy, ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để phát triển giáo dục và đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, cùng các Bộ, ngành thực hiện chủ chương xã hội hóa khoa học và công nghệ, thực hiện chương trình “phát huy nguồn nhân lực trí tuệ sức mạnh và tinh thần của người Việt Nam” của Đảng và Nhà nước, phát triển mạnh mẽ các Trung tâm đào tạo chất lượng cao, trung tâm công nghệ tin học, các Viện nghiên cứu chuyên ngành, cùng với việc phát triển các chương trình khuyến khích thanh niên thực hiện các dự án chuyển giao tiến bộ Khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển các quỹ khuyến học khuyến tài, các giải thưởng KHKTCN cho cá nhân tập thể có đề tài giải pháp xuất sắc... đã tạo điều kiện cho thanh niên phấn đấu

nâng cao trình độ học vấn và có môi trường thuận lợi để phát huy tiềm năng sáng tạo, sức trẻ và tài năng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN TRONG VIỆC TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÀO SÁNG TẠO TRONG THANH NIÊN

1. Các hoạt động sáng tạo trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

Các hoạt động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ chủ yếu tập trung vào các công trình, phần việc thanh niên mang yếu tố KHKT; phong trào ôn lý thuyết luyện tay nghề, thi thợ giỏi; phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; phong trào CKT; các hoạt động học tập, nghiên cứu KHKT, Tổ, ban KHKT trẻ, câu lạc bộ đội nhóm chuyên ngành...

a. Phong trào CKT:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII, phong trào lao động sáng tạo trong thanh niên công nhân vẫn được tiếp tục duy trì và có nhiều hình thức, biện pháp tổ chức phong phú. Mở đầu đột phá cho phong trào LĐST trong thanh niên công nhân thời kỳ đổi mới là phong trào “CKT” (chất lượng tốt – kiểu dáng đẹp – tiết kiệm, hạ giá thành).

Đây là phong trào được phát động từ năm 1992 trên cơ sở thực hiện thông tư liên tịch số 01/TT/TWĐ - BCN giữa Trung ương Đoàn và Bộ Công nghiệp nhẹ nhằm động viên đoàn viên, thanh niên hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”. Nội dung cơ bản của phong trào là:

- Toàn thể đoàn viên, thanh niên trực tiếp sản xuất hàng tiêu dùng đăng ký chỉ sản xuất ra sản phẩm tốt, sản phẩm có chất lượng cao, kiểu dáng đẹp, tiết kiệm và giá thành hạ.

- Mỗi đoàn viên, thanh niên là một tuyên truyền viên tích cực trong việc tuyên truyền quảng cáo giới thiệu mặt hàng nội có chất lượng và kiểu dáng đẹp.

- Kiên quyết lên án tệ sản xuất và buôn bán hàng giả. Kịp thời phát hiện và đấu tranh với tệ sản xuất, buôn bán hàng giả...

Có thể nói “CKT” là phong trào có tác động tích cực đối với công tác đoàn và phong trào thanh niên nhằm tổ chức, chỉ đạo đoàn viên thanh niên

công nhân viên chức áp dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật để nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, tạo nên những hàng hóa có kiểu dáng đẹp và giá thành hạ trong những năm đầu thập kỷ 90 – năm có chuyển biến tích cực của công cuộc đổi mới đất nước.

Để thực hiện mục tiêu của “CKT”, một số giải pháp quan trọng đã được đề ra, trong đó có việc các cơ sở đoàn phải thành lập hoặc củng cố các tổ, ban KHKT trẻ để giúp đỡ hướng dẫn ĐVTN sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề. Đoàn TN kết hợp với chuyên môn thường xuyên tổ chức các cuộc thi “luyện tay nghề, thi thợ giỏi” ở các cấp tạo cơ hội cho ĐVTN nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và tay nghề.

Từ sau đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII, phong trào “CKT” không chỉ được các tổ chức đoàn thực hiện trong khối công nghiệp nhẹ mà nhiều cơ sở ở các khối công nghiệp thuộc các ngành cơ khí, xây dựng, khai thác than v.v... đã triển khai thực hiện với những vận dụng sáng tạo của thanh niên cho phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất ở đơn vị. Đoàn thanh niên Đường sắt đã phát động phong trào “CAT” (chất lượng, an toàn, tiết kiệm) trong toàn thể đoàn viên, thanh niên. Vì ở ngành đường sắt, ngoài chất lượng và tiết kiệm thì an toàn là chỉ tiêu cơ bản hàng đầu của ngành. Đoàn thanh niên vùng than đã phát động phong trào “ATH” (An toàn, tiết kiệm và hiệu quả) phong trào này dưới sự chỉ đạo của BCH đoàn Công ty than, hầu hết các cơ sở đoàn vùng than đã triển khai hoạt động.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, phong trào CKT đã được phát triển thêm một bước mới: “Nâng cao chất lượng, kiểu dáng đẹp, tiết kiệm hạ giá thành, năng động sáng tạo trong tiếp thị”.

Thanh niên công nhân thành phố Hà Nội trong những năm qua đã phát động phong trào CKT với sự phát triển: chất lượng, kiểu dáng, kỹ thuật, tiết kiệm và tiếp thị. Đoàn thanh niên cảng Hải Phòng có phong trào năng suất, chất lượng, hiệu quả, lịch thiệp (NCHL), còn trong ngành Thủy sản, thanh niên có phong trào: “chất lượng, năng suất, tiết kiệm (CNT)”.

Nhìn chung phong trào “CKT” đã được các cấp bộ Đoàn ứng dụng sáng tạo và có nhiều đổi mới về hình thức cho phù hợp với đặc điểm của từng cơ sở sản xuất, song mục đích cơ bản vẫn là động viên đoàn viên thanh niên xung kích sáng tạo, tiếp thu khoa học – công nghệ mới ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và công tác. Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII đã tổng kết: thông qua nội dung hoạt động của phong trào “CKT” trong 5 năm đã có 31.000 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ và sáng tác mẫu mã mới đã được thực hiện. 21.900 đoàn viên, thanh niên trong các cơ sở công nghiệp được nâng cao tay nghề, bậc thợ. Hơn 4.200 hội thi tay nghề, thi thợ giỏi được tiến hành ở các cơ sở, 120 hội thi tay nghề cấp tỉnh, thành phố và 3 hội thi cấp ngành. 18.000 đoàn viên thanh niên giỏi đã trở thành các nhà quản lý từ cấp tổ trưởng đến các nhà doanh nghiệp trẻ.

b. Phong trào “Ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi”.

Phong trào luyện tay nghề, thi chọn thợ giỏi không chỉ phát triển trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp nhẹ mà nó đã được các đơn vị ngành công nghiệp nặng tiếp cận và tổ chức có hiệu quả.

Phong trào “Ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi chọn thợ giỏi” là một trong những hình thức hoạt động của phong trào LDST thu hút được đông đảo lực lượng đoàn viên thanh niên tham gia.

Theo báo cáo hàng năm của Văn phòng Trung ương Đoàn thì mỗi năm, khối thanh niên công nhân viên chức tổ chức hàng ngàn cuộc thi tay nghề, thi thợ giỏi, thu hút hàng vạn đoàn viên, thanh niên tham gia (xem bảng 1)

Bảng 1: Kết quả hội thi tay nghề hàng năm của TNCN

	2001	2002	2003	6 tháng đầu 2004	Tổng
Số đơn vị báo cáo	53	51	52	51	
Số cuộc	1.232	1.573	1.638	988	5.431
Lượt ĐVTN tham gia	99.254	81.061	114.574	59.980	354.869

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

Từ bảng 1 cho thấy trong ba năm rưỡi thanh niên công nhân đã kết hợp với chính quyền tổ chức 5.431 cuộc thi tay nghề, thi thợ giỏi các cấp thu hút 354.869 lượt đoàn viên và thanh niên tham gia. Nhiều tỉnh, thành Đoàn hàng năm tổ chức được rất nhiều hội thi tay nghề và duy trì đều đặn như thành phố Hồ Chí Minh, năm 2002 các cơ sở đoàn đã tổ chức được 197 cuộc thi tay nghề thu hút 10.911 lượt ĐVTN tham gia, năm 2003 toàn thành phố đã tổ chức 305 cuộc, tăng hơn năm 2002 là 108 cuộc và số ĐVTN tham dự tăng lên 27.160 lượt người.

Đoàn thanh niên các cơ sở công nghiệp Hà Nội từ năm 2001 đến hết năm 2003 đã tổ chức 227 cuộc thi tay nghề, chọn thợ giỏi, thu hút 12.886 lượt đoàn viên thanh niên tham gia. Tuy nhiên phong trào “luyện tay nghề, thi thợ giỏi” ở thành phố Hà Nội không được duy trì, phát triển như thành phố Hồ Chí Minh (Bảng 2)

Bảng 2 : Phong trào thi tay nghề, chọn thợ giỏi ở hai thành phố lớn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố	2001		2002		2003		6 tháng đầu 2004	
	Số cuộc thi	ĐVTN tham gia	Số cuộc thi	ĐVTN tham gia	Số cuộc thi	ĐVTN tham gia	Số cuộc thi	ĐVTN tham gia
Hà Nội	75	5.915	98	4.207	54	2.764	3	500
TP. Hồ Chí Minh	168	35.970	197	10.911	305	38.071	112	11.441

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn..

Tuy nhiên, phong trào “Ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi chọn thợ giỏi” phát triển chưa đồng đều trong các doanh nghiệp quốc doanh ở các tỉnh, thành đoàn. Trong những năm đầu phát động phong trào “ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi chọn thợ giỏi” được nhiều cơ sở đoàn tổ chức thực hiện. Theo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn từ năm 2001 đến 2003 đã có trên 80% cơ sở Đoàn khối Công nghiệp tổ chức các cuộc thi tay nghề, chọn thợ giỏi. Song cho đến nay, phong trào đó chỉ được tổ chức ở khoảng 30-40% cơ sở đoàn. Có nhiều tỉnh Đoàn từ năm 2001 đến nay không có số liệu báo cáo về các cuộc thi tay nghề, chọn thợ giỏi thanh niên công nhân.

Kết quả điều tra xã hội học của nhóm nghiên cứu đề tài cho thấy phong trào ôn lý thuyết, luyện tay nghề thi thợ giỏi, một phong trào ra đời sớm nhưng đang có xu hướng chững lại. Thực hiện ở mức thường xuyên chỉ đạt 34,1%.

c. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất của thanh niên công nhân.

Nội dung cơ bản của phong trào này là hướng dẫn cho ĐVTN phát hiện những bất hợp lý trong lao động, sản xuất, tìm cách để phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng công việc và sản phẩm. Theo báo cáo tổng hợp của văn phòng Trung ương Đoàn, từ năm 2001 đến hết năm 2003, đoàn viên thanh niên công nhân đã có 19.838 đề tài sáng kiến, làm lợi 201.279 triệu đồng.

Với sự phát triển mạnh mẽ của Khoa học – Công nghệ, thanh niên công nhân đã phát huy tích cực năng lực khoa học, kỹ thuật của mình. Số đề tài, sáng kiến năm sau cao hơn năm trước, từ 6.389 đề tài sáng kiến năm 2001 đến năm 2002 đã có 7.061 đề tài, sáng kiến (tăng 10,51%) với giá trị làm lợi tăng 0,73%.

Bảng 3: Tình hình phát huy đề tài, sáng kiến của thanh niên công nhân.

	2001	2002	2003	6 tháng đầu năm 2004	Tổng cộng
Số đề tài, sáng kiến	6.389	7.061	6.388	3.014	22.852
Giá trị làm lợi (triệu đồng)	68.415	68.913	63.951	92.318	293.579

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn..

Trong số các đề tài, sáng kiến có giá trị lớn, thanh niên công nhân trong các doanh nghiệp quốc doanh chiếm tỷ lệ 76,3%. Đặc biệt có những đề tài giá trị làm lợi hàng tỷ đồng như: Đề tài nghiên cứu chế độ khoan phun xi măng với keo kết dính của tập thể đoàn viên thanh niên Công ty công trình ngầm ở công trường nhà máy thủy điện Yaly; Đề tài ứng dụng tiến bộ kỹ

thuật chống lò thủy lực thay gỗ của đoàn viên thanh niên mỏ than Hà Lâm; sáng kiến dùng tời kéo dây điện qua đồi để xây lắp đường dây 500kv của đoàn viên thanh niên Công ty điện lực III...

Theo kết quả điều tra xã hội học của nhóm nghiên cứu đề tài cho thấy phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất cũng được đông đảo ĐVTN tham gia và có tới 46,6% tham gia ở mức thường xuyên.

Bảng 4: Kết quả phong trào “phát huy sáng kiến”
của một số địa phương có phong trào tốt

Năm		Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Quảng Ninh	Nghệ An	Khánh Hoà	Hải Phòng
2001	Số lượng sáng kiến Làm lợi (Triệu đồng)	478 15.912	2.541	178 1.100	107 1.400	127 11.982	182 200
2002	Số lượng sáng kiến Làm lợi (Triệu đồng)	463	2.870	145 13.800	125 1.191	26 1.088	105 1.113
2003	Số lượng sáng kiến Làm lợi (Triệu đồng)	496 9.826	923	1.616 2.928	148 2.556	12 126	372 3.233

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Ban chấp hành Trung ương Đoàn năm 2001, 2002, 2003.

d. Hoạt động đảm nhận các công trình thanh niên.

Công trình thanh niên là mô hình hoạt động thu hút, tập hợp được nhiều đoàn viên thanh niên tham gia và được nhiều cơ sở đoàn trong các đối tượng thanh niên áp dụng. Nhưng ở thanh niên công nhân, công trình thanh niên được chú ý tập trung vào các công trình có yếu tố khoa học kỹ thuật.

Công trình khoa học, kỹ thuật của thanh niên công nhân đã được các cơ sở đoàn khối công nghiệp coi như một hình thức hoạt động có hiệu quả của phong trào lao động sáng tạo. Theo tổng hợp báo cáo của các tỉnh, thành đoàn trong toàn quốc, công trình thanh niên có yếu tố Khoa học kỹ thuật khối TNCN từ năm 2001 đến nay ngày càng tăng (nhất là giá trị công trình và số lượng ĐVTN tham gia).

Bảng 5: Tổng hợp hoạt động công trình TN khối công nghiệp

	2001	2002	2003	6 tháng đầu năm 2004	Tổng cộng
Số địa phương báo cáo	58	56	58	57	
Số công trình	13.001	14.442	14.530	9.640	51.613
Trị giá (Trđ)	238.987	104.271	154.732	95.364	775.354
Số ĐVTN tham gia	288.697	345.392	502.730	458.043	1.595.132

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

Qua số liệu tổng hợp cho thấy chỉ trong hơn ba năm qua, đoàn viên thanh niên công nhân đã tổ chức thực hiện 51.613 công trình thanh niên với tổng giá trị 775.254 triệu đồng. Đặc biệt các công trình thanh niên đã thu hút, tập hợp 1.595.132 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia. Tổ chức công trình thanh niên có yếu tố khoa học là phương thức hoạt động hấp dẫn thu hút được đa số đoàn viên thanh niên tham gia. Theo kết quả điều tra xã hội học của nhóm đề tài nghiên cứu cho thấy hoạt động đảm nhận công trình, phần việc thanh niên mang yếu tố KHKT là mô hình đứng thứ hai được đông đảo các cơ sở Đoàn và ĐVTN thực hiện tốt, ở mức độ thường xuyên chiếm 49,7% trong thanh niên viên chức đạt cao nhất đạt 54,1%.

Bảng 6: Kết quả thực hiện công trình TN có yếu tố khoa học kỹ thuật của một số tỉnh, thành đoàn.

Năm Địa phương	2001		2002		2003		6 tháng 2004	
	Số lượng công trình	Lượt ĐVTN tham gia	Số lượng công trình	Lượt ĐVTN tham gia	Số lượng công trình	Lượt ĐVTN tham gia	Số lượng công trình	Lượt ĐVTN tham gia
Hà Nội	612	20.242	978	20.869	930	9.583	205	31.149
Quảng Ninh	4.370	17.950	1.959	15.081	2.958	25.343	1.691	30.440
Hải Phòng	960	11.750	150	15.150	1.050	45.000	1.133	2.000
TP.Hồ Chí Minh	1.163	20.608	926	17.876	653	17.160	327	6.814
Đà Nẵng	65	3.471	57	3.010	67	3.745	42	1.526
Nghe An	364	15.000	414	15.248	383	14.225	287	3.827

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

e. Phong trào học tập nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp thu và ứng dụng tiến bộ KHKT – công nghệ mới vào sản xuất của thanh niên.

Do tính chất cạnh tranh của cơ chế kinh tế thị trường nên lực lượng CBCNV nói chung và thanh niên trong các doanh nghiệp quốc doanh phải có trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng nhu cầu sản xuất và công tác thì mới tồn tại để lao động và làm việc. Vì vậy thực tế hiện nay, thanh niên công nhân đã vươn lên và có trình độ cao hơn trước.

Tuy nhiên khoa học, kỹ thuật ngày càng phát triển và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đòi hỏi thanh niên, nhất là thanh niên công nhân phải không ngừng nâng cao chất lượng để tiên phong, đi đầu trong công cuộc xây dựng đất nước. Nhận thức rõ vấn đề đó, những năm gần đây thanh niên công nhân đã chủ động trong học tập nâng cao trình độ về mọi mặt nhất là việc tiếp thu tiến bộ khoa học – công nghệ mới, vận hành các máy móc, thiết bị hiện đại, tiên tiến.

- Về học tập nâng cao trình độ.

+ *Học tập văn hóa:* Số liệu điều tra đã khẳng định rằng hiện nay trình độ học vấn của thanh niên công nhân đã được nâng cao. Trong các doanh nghiệp quốc doanh có trên 85% thanh niên có trình độ học vấn cấp II và cấp III và ít nhất 1/4 trong số họ có trình độ đại học, cao đẳng. Nhưng rõ ràng những thanh niên có trình độ học vấn thấp đang có nhiều cố gắng vươn lên trong học tập với sự tạo điều kiện giúp đỡ các tổ chức Đoàn trong phong trào lao động sáng tạo hoặc do cá nhân sự vươn lên học tập để khẳng định mình trong cơ chế kinh tế hiện nay.

+ *Học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, KHKT.*

Hiện nay nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật của thanh niên công nhân là rất cao. Thực tế cho thấy, thanh niên công nhân không chỉ mong muốn học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật mà họ còn học ngoại ngữ, tin học để đáp ứng nhu cầu công việc được giao. Theo

kết quả điều tra xã hội học của nhóm nghiên cứu cho thấy, phong trào học tập nghiên cứu khoa học được đông đảo cán bộ ĐVTN thực hiện ở mức độ thường xuyên là 62,86%, đối với lực lượng thanh niên an ninh quốc phòng đạt tới 70,2%.

Bảng 7 : Tình hình học tập nâng cao trình độ chuyên môn của TNCN ở một số doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Số đã có				Đang đi học		
		Tổng số CBKHKT cơ sở	Cán bộ KHKT là thanh niên	Số kỹ sư là ĐVTN	Trung cấp kỹ thuật là ĐVTN	Đại học cao đẳng	Trung cấp kỹ thuật	Ngoại ngữ
1	Công ty Dệt 8/3	216	57	32	25	16	21	18
2	Công ty May 40	182	14	41	62	8	25	12
3	Bưu điện Hà Nội	2.201	1.611	638	973	550	425	1.326
4	Công ty thiết bị đo lường điện	83	56	27	29	13	21	67
5	N/M đóng tàu Bạch Đằng	125	68	21	47	18	23	27
6	Cảng Hải Phòng	1.649	835	235	600	126	194	321
7	Công ty cơ khí Duyên Hải	227	83	31	52	14	27	49
8	Mỏ than Hà Lầm	117	89	24	65	7	24	21
9	Tuyển than Hòn Gai	230	96	37	59	8	15	18
10	Công ty cơ khí Hà Nội	219	72	24	48	15	21	37
11	Công ty than Quảng Ninh	358	272	86	186	100	280	187

Nguồn : Số liệu khảo sát của Ban công nhân và Đô thị TƯ Đoàn (tháng 6/2001)

+ Khả năng ứng dụng tiến bộ KHKT – công nghệ mới và làm chủ thiết bị, máy móc hiện đại của thanh niên.

Cơ chế kinh tế mới với đặc trưng của nó là sự cạnh tranh về chất lượng, hiệu quả, mẫu mã và giá thành của sản phẩm, đã bắt buộc các cơ sở sản xuất phải nhập nhiều thiết bị, máy móc và công nghệ hiện đại, tiên tiến. Cho đến nay hầu hết các công ty, xí nghiệp, nhà máy đã thay đổi cơ bản về công tác tổ chức, dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất. Thanh niên công nhân đã có những tiến bộ đáng kể trong việc tiếp thu khoa học – công nghệ mới và điều hành các máy móc thiết bị hiện đại.

Kết quả điều tra xã hội học của nhóm nghiên cứu cho thấy: việc ứng dụng những tiến bộ KHKT mới vào sản xuất kinh doanh cũng được đông đảo cán bộ ĐVTN thực hiện ở mức độ thường xuyên đạt 47,4%.

Bảng 8: *Đối tượng điều hành thiết bị, máy móc, công nghệ hiện đại trong 12 doanh nghiệp quốc doanh*

Đối tượng	Số liệu chung		Hà Nội		Hải Phòng		Quảng Ninh	
	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Thanh niên	228	73,8	96	82,0	83	76,9	49	58,3
Trung niên	74	24,0	18	15,4	21	19,4	35	41,7
Người 50 - 60 tuổi	7	2,2	3	2,6	4	3,7	0	0

Tóm lại, thanh niên công nhân ngày nay đã biết chủ động nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, khoa học, kỹ thuật để nhanh chóng tiếp thu khoa học, công nghệ mới, đóng vai trò chủ đạo trong vận hành các máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại phục vụ sản xuất và công tác.

2. Các hoạt động sáng tạo trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

Các hoạt động sáng tạo trong thanh niên nông thôn thời gian vừa qua chủ yếu thông qua phong trào “Thanh niên nông thôn ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phát triển nông nghiệp, nông thôn”, kết quả cụ thể như sau:

a. Công tác tuyên truyền: Để đẩy mạnh nội dung thanh niên nông thôn tham gia ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật, tổ chức Đoàn đã thường xuyên đưa tin, ảnh, bài viết các mô hình điển hình trên các báo, tạp chí của Đoàn. Đặc biệt, thông qua tờ “Thông tin thanh niên” của các tỉnh, thành Đoàn những nội dung quan trọng của chương trình thanh niên ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được chuyển tải tới các cơ sở Đoàn trong cả nước. Hàng năm Trung ương Đoàn xuất bản hàng nghìn cuốn sách, tài liệu tuyên truyền về tiến bộ kỹ thuật phát hành miễn phí tới các huyện, thị Đoàn, các CLB khuyến nông

diễn hình trong toàn quốc. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã tổ chức các đợt học tập, quán triệt trong đoàn viên, thanh niên các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan tới ứng dụng, chuyển giao TBKT vào sản xuất; tuyên truyền trong thanh niên và nhân dân kiến thức các tiến bộ kỹ thuật về giống, qui trình sản xuất mới, các hoạt động và mục tiêu của các chương trình quốc gia và địa phương liên quan tới ứng dụng, chuyển giao TBKT.

Theo báo cáo của các tỉnh, thành trong cả nước chỉ trong 2 năm 2002-2003 các cấp bộ Đoàn đã phối hợp tổ chức: *43.869 cuộc tuyên truyền TBKT có 1.237.535 đoàn viên, thanh niên tham gia; in ấn và phát hành hơn 70.000 sách, tài liệu KHKT; tổ chức hàng nghìn cuộc hội thảo, diễn đàn tìm hiểu về TBKT trong TNNT.*

Bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, hoạt động tuyên truyền đã trang bị kiến thức và giúp đoàn viên, thanh niên hiểu và nắm bắt được các TBKT, công nghệ để ứng dụng vào sản xuất. Thông qua hoạt động tuyên truyền khẳng định vai trò của tổ chức Đoàn trong việc hỗ trợ ĐVTN ứng dụng, chuyển giao TBKT vào sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, làm giàu cho mình và cho xã hội.

b. Hoạt động thi đua học tập nâng cao trình độ trong TN nông thôn:

Hoạt động thi đua học tập được Đoàn tổ chức với những cách làm phù hợp nhằm thúc đẩy việc học tập trong TTN ở địa bàn nông thôn, các cấp bộ Đoàn chủ động tham mưu cho cấp uỷ Đảng, Chính quyền tạo điều kiện cho cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên tham gia học tập nâng cao trình độ (học tại chức, học nghề...); tổ chức vận động TTN bỏ học trở lại trường học; giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn; xây dựng quỹ khuyến học; phối hợp mở các lớp xóa mù, bổ túc văn hoá cho TTN vùng sâu, vùng xa.

c. Hoạt động tập huấn KHKT và xây dựng mô hình:

Đây là một trong những hoạt động trọng tâm của Đoàn ở nông thôn, thông qua những mô hình, hình thức hoạt động như: Điểm trình diễn kỹ thuật; Câu lạc bộ khuyến nông (*nông, lâm, ngư*), đội trí thức trẻ tình nguyện... đã góp phần nâng cao kiến thức về khoa học kỹ thuật cho TNNT.

Từ các hoạt động trên, đã xuất hiện một lớp thanh niên có trình độ, có khả năng tiếp thu, ứng dụng và chuyển giao những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, giải quyết việc làm và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Năm 2003, Đoàn thanh niên các cấp đã tổ chức được 11.716 lớp tập huấn KHKT thu hút 575.580 TNNT tham gia. Ngoài ra, để cổ vũ, tuyên truyền sâu rộng trong thanh niên nông thôn và nông dân những kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp, những mô hình điển hình làm ăn có hiệu quả, Đoàn đã tổ chức nhiều hội thi kỹ thuật nghề nông từ cơ sở đến Trung ương, thu hút hàng triệu lượt đoàn viên, thanh niên nông thôn tham gia. *Tiêu biểu có: Thanh Hoá tổ chức 229 lớp tập huấn khoa học kỹ thuật cho 22.189 ĐVTN; Vĩnh Phúc tổ chức 339 lớp tập huấn KHKT cho 33.120 ĐVTN; Kiên Giang tổ chức 724 lớp tập huấn KHKT cho 30.156 ĐVTN; Lâm Đồng tổ chức 850 lớp tập huấn cho 33.467 ĐVTN...*

Mô hình điểm trình diễn kỹ thuật và các loại hình câu lạc bộ khuyến nông cũng được tổ chức Đoàn đặc biệt chú trọng. Đoàn thanh niên các cấp đã xây dựng được 8.718 điểm trình diễn kỹ thuật, thu hút 226.261 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia; xây dựng và tổ chức hoạt động 6.469 CLB khuyến nông-lâm-ngư, thu hút 143.665 TN tham gia. Đây là những mô hình hoạt động đang có chiều hướng phát triển tích cực, giúp thanh niên nông thôn từng bước tiếp cận với các TBKT và công nghệ mới. *Điển hình là: Tuyên Quang xây dựng 454 điểm trình diễn thu hút 15.436 ĐVTN tham gia, duy trì và tổ chức hoạt động 94 CLB khuyến nông TN thu hút hơn 3.000 ĐVTN tham gia; Đồng Nai tổ chức xây dựng 283 điểm trình diễn thu hút 4818 ĐVTN tham gia, duy trì hoạt động 636 CLB khuyến nông thanh niên thu hút 9.190 ĐVTN tham gia; Bến Tre xây dựng 204 điểm trình diễn kỹ thuật và tổ chức hoạt động 94 CLB khuyến nông TN; Hưng Yên tổ chức tốt hoạt động của 144 CLB khuyến nông thanh niên...*

**Bảng 9: Một số tỉnh, thành triển khai tốt hoạt động chuyển giao,
ứng dụng KHKT trong thanh niên nông thôn trong năm 2003**

ĐƠN VỊ	HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO ỨNG DỤNG KHKT							
	Tập huấn KHKT		Điểm t. diễn KT		Câu lạc bộ			
	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Khuyến nông		K. lâm, k. ngư	
					Số CLB	Số người	Số CLB	Số người
Thái Nguyên	779	17.715	113	3.704	50	1.357	38	1.253
Bến Tre	699	7.864	156	8.421	111	2.319	10	200
Đồng Tháp	417	11.397	128	5.044	120	5.139	51	2.565
Cần Thơ	885	35.613	422	6.609	202	3.220		
Nghệ An	384	2.309	225	7.125	232	9.998	92	25.117

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2003 của Trung ương Đoàn.

Ở cấp Trung ương: Trung ương Đoàn phối hợp với Bộ Nông nghiệp, Bộ Thủy sản tổ chức được 50 lớp tập huấn công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư cho hơn 3.000 cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Trong các đợt tập huấn học viên được trang các kiến thức về nghiệp vụ hoạt động khuyến nông, công, ngư; các quy trình công nghệ bảo quản, chế biến; kỹ thuật nuôi trồng, bảo quản, chế biến sau thu hoạch; kỹ thuật sản xuất giống; thăm quan các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Các hội nghị tập huấn có tổ chức các diễn đàn đối thoại giữa những cán bộ quản lý, các nhà khoa học với thanh niên. Có thể khẳng định hoạt động tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đáp ứng với nhu cầu, nguyện vọng của thanh niên; đã, đang và sẽ thu hút sự tham gia của đông đảo đoàn viên, thanh niên nông thôn đặc biệt là tại những vùng đang có sự chuyển đổi mạnh về cơ cấu kinh tế. Phối hợp triển khai xây dựng 30 điểm trình diễn kỹ thuật khuyến nông, công, lâm, ngư thu hút hơn 1000 ĐVTN tham gia trình diễn kỹ thuật. Điển hình như: Mô hình điểm trình diễn “Chế biến sữa đậu nành và thức ăn gia súc” tại xã Tự Nhân – Huyện Hoàng Su Phì - Hà Giang; mô hình trình diễn nuôi tôm sú bán thâm canh tại Móng Cái – Quảng Ninh...Ngoài ra, Trung ương Đoàn phối hợp với các Bộ ngành tổ chức các Hội nghị biểu dương các điển hình thanh niên nông thôn sản xuất kinh doanh giỏi; Phối hợp tổ chức xây dựng 06 đội TN tình nguyện phát triển kinh tế thủy sản tại Tây Nguyên và Miền núi phía Bắc, đã đưa 60 sinh viên chuyên ngành Thủy sản tới các tỉnh:

Gia Lai, Kon Tum, Bắc Giang, Đắk Nông; Lâm Đồng và Lai Châu giúp đỡ, hướng dẫn bà con phát triển kinh tế thủy sản...

Các hoạt động trên của Đoàn đã giúp cho hàng triệu lượt thanh niên nông thôn được tiếp cận với kiến thức khoa học kỹ thuật, từ đó họ mạnh dạn áp dụng kiến thức TBKT vào sản xuất, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần xoá đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Đã xuất hiện nhiều gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu trong sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn có thu nhập hàng chục, hàng trăm triệu đồng/năm.

d. Hoạt động dạy nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho đối tượng TNNT cũng được các cấp bộ Đoàn quan tâm, chỉ đạo. Ngoài hệ thống các Trung tâm Dịch vụ việc làm của hệ thống Đoàn đang tập trung hướng mạnh về khu vực nông thôn, thì các hoạt động truyền nghề, dạy nghề tại chỗ, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống... đã và đang được tổ chức Đoàn phối hợp với các cấp chính quyền và các ngành chức năng chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nhiều cơ sở Đoàn đã gắn việc dạy nghề với việc chuyển giao tiến bộ KHKT, công nghệ mới, với giải quyết việc làm tại chỗ cho TNNT. Đáng chú ý là việc hướng nghiệp, tư vấn nghề cho TNNT đã góp phần làm chuyển nhận thức của một bộ phận TNNT, góp phần động viên TNNT yên tâm bám trụ quê hương và làm giàu chính đáng ngay trên mảnh đất quê mình.

Bảng 10: *Một số tỉnh, thành triển khai tốt hoạt động dạy nghề, giải quyết việc làm cho thanh niên trong năm 2003*

ĐƠN VỊ	Số TN được dạy nghề	Số TN được tư vấn, GTVL	Số TN được giải quyết việc làm
Quảng Ninh	5.009	3.454	2.193
Hà Nội	8.000	11.745	3.836
T.p Hồ Chí Minh	4.560	42.435	12.478
An Giang	9.559	4.150	3.127
Đồng Tháp	7.959	5.943	7.232

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2003 của Trung ương Đoàn.

e. Hoạt động tình nguyện chuyển giao TBKT trong TN nông thôn diễn ra sôi nổi, rộng khắp, thu hút sự tham gia đông đảo, thường xuyên của TNNT Đặc biệt là hoạt động tình nguyện tại chỗ gắn với nhiệm vụ của mỗi

đoàn viên thanh niên, phối hợp chặt chẽ với các đội hình TN tình nguyện được chi viện từ nơi khác (Trường Đại học, Cao đẳng, các đơn vị...) trong việc giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương, tập trung vào việc xung kích tham gia phòng chống thiên tai, cứu trợ, cứu nạn, bảo vệ môi trường sinh thái, triển khai các công trình thanh niên, tình nguyện giúp dân vùng sâu, vùng xa xoá đói, giảm nghèo...

f. Hoạt động đảm nhận các công trình thanh niên, phần việc thanh niên mang yếu tố khoa học kỹ thuật.

Đoàn đã động viên đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia thực hiện các công trình, phần việc của địa phương, đặc biệt là những công trình phần việc có yếu tố khoa học kỹ thuật nhằm khai thác tính xung kích sáng tạo của thanh niên nông thôn. Các công trình tập trung chủ yếu vào xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, như: làm đường giao thông, đắp đê chống lũ, kiên cố hoá kênh mương, làm thuỷ lợi nội đồng, xây dựng đường điện, trường lớp học ở địa bàn vùng sâu, vùng xa,... Đoàn thanh niên khu vực nông thôn đã thực hiện 76.727 công trình thanh niên, với tổng giá trị gần 448 tỷ đồng, thu hút trên 2,7 triệu lượt TNNT tham gia. *Tiêu biểu có: Hà Nội đảm nhận 399 công trình thanh niên trị giá 3,6 tỷ đồng thu hút 12.600 ĐVTN tham gia; TP Hồ Chí Minh; Đồng Tháp tổ chức 4853 công trình TN trị giá 8,5 tỷ đồng thu hút gần 50 nghìn ĐVTN tham gia; Nghệ An tổ chức thực hiện 4000 công trình TN trị giá 9 tỷ đồng thu hút 130 nghìn ĐVTN tham gia...*

Bảng 11: Đảm nhận công trình mang yếu tố kỹ thuật trong thanh niên nông thôn từ 2001 đến hết sáu tháng năm 2004

NĂM	Số đơn vị báo cáo	Số công trình	Trị giá (tr.đ)	Số TN tham gia
2001	58	39.644	120.766	1.433.630
2002	58	46.974	127.722	2.032.505
2003	58	40.906	154.758	1.358.555
6 tháng năm 2004	50	3.5831	293.127	1.390.399

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

Thông qua công trình thanh niên vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trong việc thực hiện các việc mới, việc khó được khẳng định. Khả năng lập kế hoạch, hạch toán kinh tế và năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện của cán bộ Đoàn được nâng lên. Đây là một trong những phương thức hoạt động có hiệu quả của Đoàn, góp phần tham gia phát triển kinh tế, xã hội, thu hút, tập hợp đông đảo thanh niên tham gia.

Tóm lại: Thời gian qua, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã huy động được đông đảo ĐVTN nông thôn tham gia vào phong trào “Sáng tạo trẻ” thông qua việc cổ vũ, động viên thanh niên tình nguyện tham gia vào hoạt động ứng dụng, chuyển giao TBKT - công nghệ mới vào sản xuất, các chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn, đảm nhận các công trình thanh niên, xây dựng các mô hình, hình thức hoạt động đặc thù của Đoàn TN ở nông thôn, tổ chức các hoạt động tình nguyện phát triển nông nghiệp, nông thôn, tham gia xóa đói, giảm nghèo...đã góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá có giá trị kinh tế cao, phát triển công nghiệp và dịch vụ; từng bước thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. đồng thời củng cố và phát triển tổ chức Đoàn, Hội ở nông thôn ngày càng vững mạnh.

3. Các hoạt động sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

Các hoạt động sáng tạo thanh niên học sinh, sinh viên được thể hiện rõ nét, toàn diện và sôi động thông qua phong trào “Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” đang tiếp tục được triển khai sâu rộng với quy mô và chất lượng ngày càng cao, phù hợp với điều kiện môi trường học tập với từng đối tượng học sinh, sinh viên.

a. Hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học:

Các hoạt động hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển tài năng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên được tổ chức thường xuyên góp phần trợ giúp học sinh sinh viên hoàn thành nhiệm vụ học tập. Các hoạt động này được triển khai với nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả như: hoạt động vay vốn quỹ tín dụng đào tạo, thi tay nghề, thi thợ giỏi, giúp bạn vượt khó, các loại quỹ khuyến học khuyến tài, quỹ học sinh sinh viên nghèo vượt khó... Cùng với các giải thưởng động viên khen thưởng, hỗ trợ có giá trị như: giải thưởng Lý Tự Trọng, Nguyễn Thái Bình, Sao Tháng Giêng, Học trò hiếu thảo... đã góp phần cổ vũ động viên học sinh sinh viên hăng hái, say mê học tập, nghiên cứu khoa học, kích lệ và tạo khí thế thi đua sôi nổi trong học tập, nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên. Nhiệm kỳ vừa qua Đoàn đã trao

607.608 xuất học bổng các loại với số tiền là 101.248 triệu đồng, tăng gấp 2,9 lần so với nhiệm kỳ trước.

Bảng 12: Học bổng hỗ trợ HSSV học tập, nghiên cứu khoa học từ 2001 đến hết sáu tháng năm 2004

NĂM	Tổng số (tr.đ)	Số đã cấp (tr.đ)	Số HSSV được cấp
2001	20.415	24.371	137.926
2002	22.533	24.754	142.509
2003		23.889	97.772
6 tháng 2004		16.803	78.517

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

Các Câu lạc bộ học tập, nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên đã thu hút tập hợp sinh viên, tham gia nghiên cứu khoa học và thực hành nâng cao kiến thức thực tiễn và khả năng thích ứng với đòi hỏi của sản xuất, của thị trường lao động chất lượng cao thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong thời gian qua Đoàn đã duy trì và tổ chức hoạt động được 23.996 Câu lạc bộ học tập, sở thích, thu hút 872.628 lượt học sinh, sinh viên tham gia.

Trong lĩnh vực hoạt động này đã xuất hiện một số mô hình mới, đó là: “Trung tâm hỗ trợ sinh viên”, mô hình “Hợp tác xã trong trường học”, “Ngân hàng thanh niên”, “Quỹ tín dụng sinh viên”, “Tư vấn mùa thi”... đã góp phần đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, học tập của học sinh, sinh viên.

b. Tổ chức các cuộc thi và hoạt động nghiên cứu khoa học.

Thông qua tổ chức các cuộc thi như: Hội thi tin học trẻ không chuyên toàn quốc, các cuộc thi Olympic; Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, toán học, tin học, cơ học vật lý; Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học... của Đoàn thanh niên phối hợp với các Bộ, Ngành, Hội khoa học tổ chức đã góp phần định hướng, khuyến khích học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, phát huy tính năng động sáng tạo trong nắm bắt, làm chủ các công nghệ mới, tăng phát minh sáng chế khoa học. Hoạt động tập sự nghiên cứu khoa học trong sinh viên tiếp tục được duy trì và có bước phát triển mới. Đoàn đã quan tâm động viên, cổ vũ và hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, động viên lực lượng giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu. Nội dung các đề tài thiết thực có tính khả thi, đã có hàng ngàn đề tài khoa học nghiệm

thu đạt chất lượng cao. Nhiều đề tài khoa học, nhiều học sinh, sinh viên đã đạt giải cao trong các cuộc thi khu vực và quốc tế: Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học Y – Dược lần thứ 10 được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của 88 đề tài khoa học sinh viên; Hội nghị khoa học tuổi trẻ các trường đại học sư phạm lần thứ nhất được tổ chức tại Hà Nội với 99 đề tài khoa học sinh viên, cuộc thi Dynamic 2000 sinh viên – nhà doanh nghiệp trẻ tương lai của Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh lần thứ 5 thu hút 3.500 sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực phía Nam tham gia. Năm học 2000 – 2001 quỹ Hỗ trợ sáng tạo Việt Nam (Vifotec) đã trao giải thưởng cho 296 công trình đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học. Trong nhiệm kỳ 1997 – 2002 thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức 130 hội nghị nghiên cứu khoa học, tập hợp gần 20.000 sinh viên tham gia nghiên cứu với 1042 đề tài trong đó có 555 đề tài cấp thành phố, 01 đề tài cấp bộ. Thành Đoàn Hà Nội có gần 6000 đề tài nghiên cứu khoa học của 7164 sinh viên được nghiệm thu.

Bảng 13: *Hoạt động đảm nhận các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong HSSV từ 2003 đến hết sáu tháng năm 2004*

NĂM	Công trình thanh niên			Công trình, đề tài nghiên cứu khoa học	
	T.số công trình	Trị giá (tr.đ)	Số HSSV tham gia	Tổng số	Trị giá (tr.đ)
2003	14.480	47.578,6	1.037.964	6.265	8.256
6 tháng 2004	14.879	93.379	1.115.141	9.369	7.466

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

Trung ương Đoàn cùng với Bộ giáo dục và đào tạo xây dựng chương trình phối hợp định kỳ hàng năm nhằm định hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên đẩy mạnh phong trào thi đua học tập rèn luyện, nghiên cứu khoa học. Định kỳ hàng năm Trung ương Đoàn phối hợp với các Bộ, Ngành, Hội khoa học chuyên ngành tổ chức các cuộc thi tin học trẻ không chuyên, thi Olympic các môn học, thi và trao giải thưởng Cổ Loa, giải thưởng khoa học kỹ thuật thanh niên. Các cuộc thi ngày một thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia, đóng góp nhiều công trình, đề tài nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, phát hiện nhiều tài năng trẻ để bồi dưỡng, đào tạo, phát triển nguồn nhân tài cho đất nước.

c. Hoạt động tình nguyện trong học sinh, sinh viên.

5 năm qua, phong trào “Thanh niên tình nguyện” mà đỉnh cao là các “Chiến dịch thanh niên, học sinh sinh viên tình nguyện” đã không ngừng phát triển, thu hút sự tham gia của đông đảo các đối tượng thanh niên mà nòng cốt là học sinh sinh viên. Phong trào đã được triển khai với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, thiết thực, hiệu quả được xã hội ghi nhận, ủng hộ và đánh giá cao. Trong năm 2000 mới có 1 triệu 600 ngàn lượt thanh niên, học sinh sinh viên của 42 tỉnh, thành Đoàn tham gia chiến dịch tình nguyện hè tại 2.300 xã, phường; đến năm 2004 đã có 100% các tỉnh, thành Đoàn và Đoàn trực thuộc tổ chức chiến dịch hè thu hút 6 triệu lượt thanh niên hoạt động trên địa bàn 15.000 xã, phường trong cả nước và 2 tỉnh của nước bạn Lào.

Ngoài các hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao, đền ơn đáp nghĩa, chung sức cùng cộng đồng, phòng chống tệ nạn xã hội...các chiến sỹ tình nguyện đã mang sức trẻ, trí tuệ và nhiệt huyết tham gia phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo; chủ động tổ chức các hoạt động phổ biến, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới; giúp các hộ gia đình xây dựng quy hoạch, lập và thực hiện các dự án phát triển kinh tế, phá thế độc canh, thuần nông; đảm nhận và thực hiện các công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn, miền núi. Trong 5 mùa chiến dịch các đội thanh niên tình nguyện đã tham gia chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho 2,2 triệu lượt nhân dân và thanh niên; sửa chữa và xây mới 23.021 nhà dân, tu sửa 51.079 km đường giao thông, làm hơn 6000 cây cầu và chi viện hàng chục ngàn ngày công cho các công trình trọng điểm quốc gia. Các chiến sỹ tình nguyện đã thực hiện đảm nhận hàng triệu công trình, phần việc thanh niên với trị giá hàng nghìn tỷ đồng. Gần 4000 đội thanh niên tình nguyện hăng hái đảm nhận xoá cầu khỉ, xây mới 762 cầu. Hàng ngàn bạn trẻ đã “lên rừng, xuống biển” để xây dựng đảo thanh niên Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ và làm 9 làng thanh niên, khu kinh tế thanh niên. Hơn 2000 trí thức trẻ tình nguyện tới gần 700 xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa đem ánh sáng văn hoá đến với đồng bào và tuổi trẻ các dân tộc.

4. Các hoạt động sáng tạo trong thanh niên lực lượng vũ trang

4.1 Trong thanh niên Quân đội

Nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và sự nghiệp xây dựng quân đội trong thời kỳ mới, ngày 15/11/1999 Bộ Quốc phòng đã ban hành Điều lệ Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội nhằm cổ vũ, động viên tuổi trẻ thi đua sôi nổi trong học tập, nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực hoạt động và đã đạt được kết quả tốt. Trong những năm qua, đã có hàng trăm công trình và hàng ngàn sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ và của đoàn viên thanh niên được áp dụng triển khai thực hiện có hiệu quả ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực góp phần quan trọng nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của quân đội. Các công trình, sáng kiến được trao Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo hàng năm đã từng bước được ứng dụng vào thực tiễn, khẳng định giá trị khoa học và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Phong trào thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học có bước phát triển sâu rộng hơn trên nhiều lĩnh vực, chuyên ngành nghiên cứu. Gần 5 năm qua, từ hàng ngàn các công trình được đăng ký ở cơ sở, các đơn vị đã lựa chọn được 366 công trình, sáng kiến tham dự Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo toàn quân. Nhiều công trình đã được Hội đồng khoa học chuyên ngành đánh giá cao về giá trị khoa học và thực tiễn, được Hội đồng Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo quyết định trao Giải thưởng. Điều đó khẳng định tiềm năng to lớn của Thanh niên Quân đội trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, làm chủ khoa học kỹ thuật, công nghệ có khả năng vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao của tri thức khoa học kỹ thuật, công nghệ quân sự hiện đại. Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo đã thúc đẩy phong trào học tập, nghiên cứu khoa học sâu rộng trong thanh niên. Đây là một phương pháp bồi dưỡng tư duy khoa học cho tuổi trẻ, định hướng cho thanh niên trong tiếp cận và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trên các lĩnh vực hoạt động. Thông qua đó để phát hiện, bồi dưỡng các tài năng quân sự, tài năng khoa học

công nghệ, tài năng khoa học xã hội và nhân văn, tham gia xây dựng lực lượng tri thức của quân đội trong thời kỳ mới.

Cấp uỷ Đảng, chỉ huy các cấp trong Quân đội tiếp tục triển khai tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc, đồng thời cụ thể hoá việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, của Bộ Quốc phòng về hoạt động Khoa học công nghệ trong Quân đội; Tạo điều kiện về thời gian, vật chất cho các tổ chức Đoàn, đoàn viên thanh niên hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Ra quyết định thành lập Quỹ Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo ở cấp mình, hỗ trợ kinh phí cho thanh niên nghiên cứu khoa học. Các cơ sở Đoàn trong toàn quân đã bám sát định hướng chỉ đạo của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị về vị trí vai trò, chức năng nhiệm vụ Khoa học công nghệ, khơi gợi những vấn đề bức thiết, phản ánh tâm tư tình cảm, nguyện vọng chính đáng của thanh niên, đặt ra cho thanh niên những định hướng phấn đấu đúng đắn, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ cũng như trong việc học tập, nghiên cứu khoa học phục vụ công tác. Phương thức giáo dục thanh niên được đổi mới phong phú, sinh động như: *tổ chức các hội thi; diễn đàn, tọa đàm khoa học; sinh hoạt câu lạc bộ khoa học trẻ; đội KHKT trẻ; thi ý tưởng sáng tạo...*, gắn liền với nhiệm vụ huấn luyện, lao động sản xuất và nghiên cứu khoa học của đơn vị tạo được hiệu quả thiết thực nâng cao chất lượng hoạt động.

- Cơ quan Chính trị và cơ quan Khoa học công nghệ và Môi trường các đơn vị đã phối hợp chặt chẽ xây dựng kế hoạch hoạt động Giải thưởng ở đơn vị, tích cực tham gia Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội. Trong những năm qua, các đơn vị: Quân đoàn 1, Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ QS, Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện Chính trị Quân sự, Quân khu 4, Quân khu 7, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không Không quân, Quân đoàn 2, Binh chủng Thông tin ... đã tổ chức tốt hoạt động Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo ở các cấp khẳng định sự phát triển ngày càng cao của phong trào thanh niên xung kích nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật từ cơ sở đến toàn quân.

Nhiều đơn vị đã tổ chức tốt việc bình chọn 10 gương mặt thanh niên tiêu biểu ở các cấp, tập trung đẩy mạnh phong trào học tập nghiên cứu khoa học của thanh niên, đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo toàn quân đã đề ra. Trên từng lĩnh vực hoạt động của quân đội như: Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, lao động sản xuất và trong học tập công tác... đều được tuổi trẻ tham gia hưởng ứng tích cực, đạt hiệu quả thiết thực.

- Đối với khối các Trung tâm, Viện nghiên cứu và Học viện Nhà trường, các hoạt động như : "*Hội thao kỹ thuật sáng tạo*", "*Câu lạc bộ khoa học kỹ thuật trẻ*", "*Trung tâm khoa học kỹ thuật trẻ*", "*Câu lạc bộ học viên học giỏi*", "*Câu lạc bộ Tin học, cơ học và Rôbôtcon*", "*Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học*", "*Tuần lễ tuổi trẻ nghiên cứu khoa học*"... được phát huy mạnh mẽ, có tác dụng thiết thực, tập trung nâng cao việc nghiên cứu các đề tài khoa học, ý tưởng khoa học, phục vụ hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Tiêu biểu là các đơn vị: Học viện Kỹ thuật quân sự, với tỉ lệ cứ 3 đoàn viên thanh niên là học viên có 1 công trình nghiên cứu khoa học, nhiều công trình, đề tài được đơn vị, Bộ Quốc phòng áp dụng sản xuất trong thực tiễn. Trong 5 năm qua, đã có hơn 600 công trình, đề tài được Học viện xét trao giải thưởng, tham gia xét thưởng Quỹ VIFOTEC có 15 công trình đoạt Giải; Thi Robôtcon có 22 đội, có 4 đội đoạt giải; 01 Giải thưởng trí tuệ Việt Nam; 01 Giải thưởng Quả cầu vàng; 02 Giải thưởng khoa học kỹ thuật thanh niên; Tham gia thi Olympic các môn học có 9 Giải nhất đồng đội, 19 Giải nhất, 39 Giải nhì, 118 Giải ba và khuyến khích cá nhân. Tuổi trẻ Học viên Quân y có 78 công trình đề tài đăng ký, tham gia Giải thưởng sinh viên NCKH 25 công trình đề tài có 4 công trình đoạt Giải nhất, 7 công trình đoạt Giải nhì và 14 CT đoạt Giải khuyến khích, cả 25 CT đều được xét trao Giải thưởng VIFOTEC; 04 CT đoạt Giải thưởng Kỹ thuật thanh niên; Tham gia Hội thao kỹ thuật ngành Y liên Viện khu vực Hà Nội có 18 kỹ thuật thì 15 nội dung kỹ thuật đoạt giải; Thi Olympic các môn học đoạt tổng số 40 giải có 2 Giải nhất, 8 Giải nhì và 13 Giải ba. Tuổi trẻ Trung tâm khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự tổ chức thường xuyên Hội nghị Tuổi trẻ nghiên

cứu khoa học, đã có hàng trăm công trình đề tài được đăng ký và hoàn thành với chất lượng cao, được áp dụng triển khai rộng rãi trong các đơn vị trong toàn quân.

Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ lao động sản xuất quốc phòng kinh tế, hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật được đầu tư, chú trọng, đạt hiệu quả cao, được ứng dụng trực tiếp vào quá trình sản xuất, góp phần quan trọng cùng đơn vị hoàn thành nhiệm vụ sản xuất quốc phòng kinh tế. Các mô hình như "Tổ đội khoa học kỹ thuật trẻ", "Ban khoa học kỹ thuật trẻ", "Câu lạc bộ khoa học kỹ thuật"... với các hoạt động thiết thực như: "Hội thi tay nghề kỹ thuật trẻ", "Hội thi bàn tay vàng, sản phẩm vàng". "Hội thi sáng kiến", "Hội trại tuổi trẻ sáng tạo"... được tiếp tục phát huy, nhân rộng và đạt chất lượng hiệu quả. Nhiều đơn vị đạt chỉ tiêu 2 đoàn viên thanh niên có 1 sáng kiến, mỗi tổ chức Đoàn có 01 công trình thanh niên trong năm. Tiêu biểu như tuổi trẻ Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, trong 5 năm đã đảm nhận trên 600 công trình sáng kiến cấp trên cơ sở, trên 30 đề tài cấp Tổng cục, gần 6000 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng ở đơn vị cơ sở. Chỉ tính riêng Đoàn cơ sở Nhà máy Z 143 đã có 53 công trình, sáng kiến giá trị được ứng dụng vào sản xuất tại Nhà máy, đạt hiệu quả kinh tế cao nâng tổng giá trị làm lợi từ sáng kiến lên hơn 423 triệu đồng, hoặc Đoàn cơ sở Xí nghiệp X 18 có 23 công trình, sáng kiến có giá trị ứng dụng vào sản xuất, nâng giá trị làm lợi từ sáng kiến hơn 934 triệu đồng. Đoàn cơ sở Nhà máy Z 551 của Tổng cục Kỹ thuật đã có 325 sáng kiến có giá trị được ứng dụng vào sản xuất tại Nhà máy, đạt hiệu quả kinh tế nâng tổng giá trị làm lợi từ sáng kiến lên hơn 750 triệu đồng.

- Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã tập trung vào phục vụ thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị trung tâm của đơn vị. Với các hình thức hoạt động như: "Hội thi, Hội thao mô hình học cụ huấn luyện", hoạt động của tổ khoa học kỹ thuật... đã phát huy được tính sáng tạo của tuổi trẻ, làm mới hàng chục ngàn sản phẩm học cụ phục vụ cho huấn luyện. Tiêu biểu trên lĩnh vực này là hoạt động của các đơn vị: Quân chủng Phòng

không quân cải tiến làm mới được 3134 mô hình học cụ, xây dựng được 863 công trình phần việc thanh niên, hàng trăm sáng kiến được công nhận cấp Quân chủng. Tuổi trẻ Quân đoàn 1, với hơn 153 công trình sáng kiến được đơn vị xét in thành kỷ yếu để tuyên truyền nhân rộng toàn đơn vị. Chỉ tính riêng Đoàn cơ sở H02 Tăng Thiết giáp có hàng trăm sáng kiến phục vụ trực tiếp vào việc sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật phục vụ huấn luyện chiến đấu, trong đó có 13 sáng kiến được lãnh đạo, chỉ huy đơn vị chọn in, giới thiệu trong tập san KHCN của Quân đoàn để phổ biến nhân rộng. Các sáng kiến được gửi tham dự Giải thưởng TTST toàn quân đều đã được ứng dụng vào thực tế huấn luyện và sản xuất tại đơn vị.

Thanh niên toàn quân đã tích cực tổ chức và tham gia các cuộc thi, các hội thao, giải thưởng do các ngành Trung ương và Quân đội tổ chức. Cụ thể như: Hội thao kỹ thuật ngành Y tế khu vực Hà Nội và các Trường Y Dược toàn quốc; Giải thưởng Khoa học thanh niên của Trung ương Đoàn và Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia; Giải thưởng Quả cầu vàng; Sáng tạo ROBOTCON các trường Đại học toàn quốc... Tất cả các hoạt động trên từng lĩnh vực thanh niên các đơn vị tham gia đều đạt kết quả tốt, được nhiều Giải thưởng cao. Tham dự Giải thưởng Kỹ thuật thanh niên, trong 5 năm qua đã gửi 41 công trình, sáng kiến tham gia xét giải, có 01 công trình đoạt giải khoa học, 04 công trình đoạt giải Kỹ thuật, 05 công trình đoạt giải sáng tạo.

Riêng Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo toàn quân, qua 4 lần trao giải đã có 366 công trình sáng kiến được xét chọn từ 6457 công trình sáng kiến ở cơ sở đề nghị xét trao giải toàn quân. Kết quả có 26 công trình sáng kiến đoạt Giải nhất, 36 công trình sáng kiến đoạt Giải nhì, 54 công trình sáng kiến đoạt Giải ba, 50 công trình sáng kiến đoạt Giải khuyến khích. Các công trình, sáng kiến đoạt giải Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo toàn quân cơ bản đều đã được ứng dụng vào hoạt động của đơn vị. Một số công trình có giá trị đã được ứng dụng rộng rãi trong toàn quân, được lãnh đạo Bộ Quốc phòng cũng như chỉ huy các đơn vị đánh giá cao, mang lại hiệu quả về kỹ thuật và kinh tế, đáp ứng tốt cho yêu cầu nhiệm vụ. Các công trình, đề tài

sáng kiến kỹ thuật tham gia dự Giải thưởng hàng năm được tăng cao kể cả về số lượng, chất lượng và lĩnh vực chuyên ngành, được các Hội đồng chuyên ngành đánh giá tốt. Từ Giải lần thứ nhất, mới có 3 Hội đồng khoa học chuyên ngành xem xét thẩm định và chấm điểm, đến nay đã thành lập 9 Hội đồng khoa học chuyên ngành, đánh giá thẩm định các công trình, đề tài sáng kiến thuộc các lĩnh vực: Công nghệ Thông tin, Vũ khí đạn, Cơ khí, Động lực, Vô tuyến điện, Y Dược, Hậu cần, Đào tạo và Khoa học xã hội nhân văn quân sự.

4.2 Trong thanh niên Công an

- Những năm qua, được sự chỉ đạo của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Lãnh đạo Bộ Công an, Ban Thanh niên Công an đã tham mưu cho Đảng uỷ CA, lãnh đạo Bộ, lãnh đạo tổng cục III ra các nghị quyết và các chương trình, kế hoạch hoạt động nhằm tháo gỡ những vấn đề về cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và phát huy thanh niên như: nghị quyết 07 của Đảng uỷ CA về công tác thanh niên Công an nhân dân trong tình hình mới ngày 31/7/1998, chương trình phát triển thanh niên công an đến năm 2010 ngày 20/8/2004 và định hướng công tác thanh niên CAND hàng năm.

- Các cấp bộ đoàn đã tham mưu, đề xuất, tổ chức và hướng dẫn nhiều phong trào, nhiều hoạt động nhằm động viên và phát huy thanh niên trong lĩnh vực này, cụ thể là:

+ Phát động phong trào đăng ký đảm nhận công trình phần việc thanh niên phục vụ nhiệm vụ chính trị và đã tổ chức tổng kết 5 năm công trình phần việc thanh niên (1995-2000) và chuẩn bị tổng kết 10 năm công trình phần việc thanh niên (1995-2005).

+ Tổ chức các hoạt động nhằm phát huy khả năng sáng tạo trong thanh niên như các cuộc thi Tin học trẻ Bộ Công an (từ 1995-2002); Hội thao kỹ thuật sáng tạo tuổi trẻ ngành y được tổ chức 2 năm một lần; thi tìm hiểu truyền thống CAND; thi trình sát viên giỏi; thi cán bộ quản giáo giỏi; thi giáo viên giỏi; thi nấu ăn giỏi, thi bàn tay vàng nghề may và cơ khí; thi chuyên đề lý luận chính trị, thi tìm hiểu pháp luật. . .

+ Phát hiện, biểu dương, đề nghị khen thưởng, kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; phối hợp với các cơ quan báo chí đẩy mạnh tuyên truyền về hoạt động nghiên cứu khoa học của Đoàn viên thanh niên.

Trong 10 năm qua (1995-2004) tuổi trẻ các đơn vị thuộc Bộ Công an đã tham gia nghiên cứu thành công hàng trăm đề tài khoa học; nhiều đoàn viên đã làm chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở và đã có những đoàn viên chủ nhiệm đề tài cấp Bộ. Nhiều đề tài, công trình khoa học do tuổi trẻ tham gia hoặc chủ trì mang lại hiệu quả cao về nghiệp vụ, kinh tế, xã hội như: “Xây dựng hệ thống kiểm soát truy nhập bằng vân tay”, đề tài cấp Bộ do Th.s Phí Anh Quân, đoàn viên chi đoàn E15, Tổ cục IV làm chủ nhiệm; “Nghiên cứu lập trình phần mềm lọc thư điện tử ứng dụng trong hệ thống kiểm soát INTERNET” hoặc công trình “Nghiên cứu thắp điện NPC”, “Thăm mã DES” là những đề tài cấp Bộ do đoàn viên Đoàn cơ sở A22, Tổng cục I thực hiện; “Nghiên cứu xác định thành phần hoá học và phương pháp giám định chất độc hình sự” đề tài cấp cơ sở do Thạc sỹ Nguyễn Xuân Trường, đoàn viên Viện Khoa học hình sự thực hiện; “Nâng cao hiệu quả việc áp dụng các hình phạt không phải hình phạt tù” hoặc “Áp dụng và nâng cao hiệu quả hình phạt trục xuất” là các đề tài khoa học cấp cơ sở do chi đoàn V19 thực hiện...

Tổng kết 5 năm công trình, phần việc thanh niên (1995-2000) đã có 2.358 công trình, phần việc thanh niên được Trung ương Đoàn tặng bằng khen; 50 đoàn viên được Trung ương Đoàn tặng huy chương “Tuổi trẻ sáng tạo”, giải thưởng “Quả cầu vàng”, giải thưởng VIFOTEC; 21 công trình thanh niên được bình chọn là tiêu biểu nhất. Nhiều đoàn viên đã được Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Bộ Công an và Trung ương Đoàn tặng bằng khen.

** Tuổi trẻ Bộ Công an với phong trào “Sáng tạo trẻ”:*

- Thực hiện hướng dẫn số 02HD/TUĐTN ngày 1/3/2004 của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc tổ chức phong trào “Sáng tạo trẻ”, tuổi trẻ lực lượng Công an nhân dân đã cụ thể hoá và gắn các nội dung với phong trào “Thanh niên CAND học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ” và chỉ đạo triển khai trong toàn hệ thống. Với khẩu hiệu “Phát huy tiềm năng sáng tạo

của tuổi trẻ CAND vì sự nghiệp bảo vệ ANTON", trong đó cụ thể hoá tới từng đối tượng đoàn viên, thanh niên như sau:

+ Đoàn viên thanh niên trong các đơn vị chiến đấu: Đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong luyện tập và chiến đấu; Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào đánh địch.

+ Đoàn viên, thanh niên trong các trường CAND: Đề xuất sáng kiến đổi mới phương pháp dạy và học nhằm nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên; Nghiên cứu, tập sự nghiên cứu khoa học, chú trọng các đề tài ứng dụng vào việc đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

+ Đoàn viên, thanh niên các đơn vị tham mưu, xây dựng lực lượng: Đề xuất ý tưởng, sáng kiến, giải pháp góp phần cải cách hành chính, cải tiến quy trình, phương pháp làm việc; Đề xuất sáng kiến trong học định, xây dựng phương hướng, chính sách, chiến lược, đối sách thuộc phạm vi tham mưu; Xung kích trong tin học hoá công tác văn phòng.

+ Đoàn viên, thanh niên các đơn vị hậu cần, kỹ thuật: Đề xuất sáng kiến, cải tiến chất lượng sản phẩm, mẫu mã kiểu dáng, tiết kiệm nguyên vật liệu, đảm bảo vệ sinh an toàn lao động; Đảm nhận các công trình, phần việc thanh niên, đặc biệt là những công trình cần tri thức và kỹ năng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

5. Kết quả bước đầu triển khai phong trào sáng tạo trẻ (từ tháng 3/2004 đến nay).

Với mục tiêu khơi dậy và phát huy tiềm năng sáng tạo, tinh thần xung kích của đoàn viên, thanh niên trong lao động, học tập nâng cao trình độ, làm chủ và ứng dụng khoa học – công nghệ hiện đại, tạo ra phong trào thi đua để đoàn viên, thanh niên tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn của bản thân góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội nói chung và sự tăng trưởng của từng đơn vị, doanh nghiệp. kể từ khi phát động (tháng 3/2004) đến nay, phong trào “Sáng tạo trẻ” do Trung ương Đoàn phát động đã được đông đảo đoàn viên, thanh niên, các cơ sở Đoàn trong cả nước tích cực hưởng

ứng, bước đầu thu được những kết quả tốt, thể hiện ở từng nội dung của phong trào:

5.1. Cổ vũ, động viên đoàn viên, thanh niên đề xuất ý tưởng, phát minh sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tiên tiến:

Xác định khoa học công nghệ là yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt trong thời kỳ hội nhập quốc tế, trong thời gian qua, tổ chức Đoàn đã động viên đoàn viên, thanh niên đi đầu trong việc đề xuất các ý tưởng, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thông qua nhiều hình thức: hội thi “Ý tưởng sáng tạo”, hội thi “Tin học trẻ không chuyên”, thi Olympic tin học, hoá học, vật lý trong các trường Đại học, thi “Robocon”, “Tuổi trẻ với tự động hoá”, hội nghị nghiên cứu khoa học, hội thao kỹ thuật ngành y (Hà Nội)... Nhiều đơn vị đã xây dựng và củng cố hệ thống Ban Khoa học kỹ thuật trẻ và xác định đây là hạt nhân của phong trào (Đường Sắt đã có hơn 70% cơ sở xây dựng Ban khoa học kỹ thuật trẻ...). Từ các hoạt động trên đã có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học, công nghệ mới vào sản xuất được đánh giá cao như: việc áp dụng công nghệ thiết kế thi công theo phương pháp NATM của Áo để thi công hầm đường bộ của Đoàn thanh niên Tổng Công ty thiết kế Giao thông Vận tải (TEDI); sáng kiến áp dụng cột chống thuỷ lực đơn và dàn chống thuỷ lực di động vào khai thác than của Đoàn thanh niên công ty than Mạo Khê... Theo báo cáo tổng hợp từ khi phát động phong trào “Sáng tạo trẻ” đến nay chỉ tính riêng trong khối công nhân viên chức đã có hơn 3.215 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được ứng dụng vào thực tiễn làm lợi, tiết kiệm gần 5 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực tổ chức, quản lý, tổ chức Đoàn tại một số địa phương, đơn vị đã cụ thể hoá phong trào “Sáng tạo trẻ” với các nội dung thiết thực như: Hà Nội tổ chức Festival “Sáng tạo trẻ” với các nội dung: thi bảo vệ đề tài giải pháp khoa học kỹ thuật, quản lý; thi “Tuổi trẻ thủ đô với cải cách hành chính”; hội thi CLB khuyến nông Thanh niên; Triển lãm Sáng tạo trẻ với các sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã mới và phát động cuộc thi “Ý

tưởng sáng tạo vì sự phát triển của thủ đô” thu hút 47 cơ sở Đoàn tham gia; Phú Yên gắn việc triển khai phong trào “Sáng tạo trẻ” với cuộc vận động *Đổi mới phong cách làm việc của cán bộ công chức trẻ* với nội dung **“Hai giảm, Ba đúng, Bốn tăng”**(*Giảm sai sót, thủ tục phiền hà; Giảm chi tiêu lãng phí; Đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; Đúng quy trình, kỹ thuật, kỷ luật lao động; Đúng lương tâm, trách nhiệm nghề nghiệp; Tăng sức khoẻ, cường độ lao động; Tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; Tăng sáng kiến, giải pháp hữu ích; Tăng kiến thức tay nghề, ý chí và lòng quyết tâm*); Đoàn Công ty Xăng dầu Lâm Đồng triển khai phong trào: **“3 đi đầu”** (*Đi đầu trong phong trào Xanh, Sạch, Đẹp; trong thái độ phục vụ khách hàng; trong cải tiến, hợp lý hoá sản xuất kinh doanh*) và **“3 không”** (*Không thiếu trách nhiệm trong công tác, trong các hoạt động xã hội và gia đình; Không thủ tiêu dấu tranh với các biểu hiện sai trái; Không bằng lòng với những gì đã có mà cần phải tiếp tục phấn đấu vươn lên*); Bà Rịa- Vũng Tàu xây dựng phong trào “Sáng tạo trẻ” với 3 nội dung lớn là: tập trung vào việc đảm nhận công trình, phần việc thanh niên; luyện tay nghề thi thợ giỏi; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam phát động cuộc thi “Thấp sáng tài năng kinh doanh trẻ 2004”; Đoàn thanh niên Đường Sắt với phong trào “Thi đua học tập và nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ”; Hải Dương tổ chức Festival “Học sinh, sinh viên, công nhân, viên chức Hải Dương 2004 - Đoàn kết, sáng tạo hướng tới tương lai”; Ninh Bình phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phát động phong trào “Sáng tạo trẻ 2004”...

Có thể nói nội dung phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến đã được tổ chức Đoàn các cấp chủ động, sáng tạo, triển khai đến từng cơ sở, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia, góp phần nâng cao nhận thức, khơi dậy tính sáng tạo và thể hiện vai trò nòng cốt của tuổi trẻ việc tiếp thu, ứng dụng công nghệ tiên tiến và đề xuất những ý tưởng mới trong học tập, lao động sản xuất được lãnh đạo các đơn vị, địa phương và dư luận xã hội đánh giá cao.

5.2. Phong trào học tập nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong thanh niên:

Hưởng ứng phong trào “Sáng tạo trẻ” đội ngũ cán bộ Đoàn và đoàn viên thanh niên ngày càng tích cực hơn trong việc học tập nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ tay nghề và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn. Hoạt động này được đoàn viên khối học sinh sinh viên thể hiện rõ, toàn diện và sôi động thông qua phong trào thi đua học tập, đi đầu trong nghiên cứu khoa học và tiến quân vào khoa học công nghệ. Với nhiều hình thức như đảm nhận, tham gia các đề tài nghiên cứu, sinh hoạt câu lạc bộ học tập, câu lạc bộ khoa học: Hà nội có gần 6.000 đề tài khoa học của 7.164 sinh viên được nghiệm thu; Thái nguyên có gần 1000 sinh viên tham gia nghiên cứu và đảm nhận các đề tài khoa học; Hưng Yên với “Giờ học tốt, tuần học tốt”; Thái Bình tổ chức cuộc thi “Trí tuệ học đường”, “Đường lên đỉnh Olympia”...bên cạnh đó với các hoạt động tình nguyện thiết thực, thanh niên học sinh sinh viên Bà Rịa Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hải Dương...đã đem tri thức và nhiệt tình của mình tới thanh niên nông thôn vùng sâu vùng xa thông qua các hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xoá mù phổ cập tin học, hướng dẫn ứng dụng khai thác công nghệ thông tin...

Trong các đối tượng thanh niên khác, mặc dù điều kiện công tác khó khăn, thời gian ít nhưng tổ chức Đoàn đã chủ động xây dựng kế hoạch tham mưu cho cấp uỷ, lãnh đạo chuyên môn tổ chức các khoá tập huấn, đào tạo dưới nhiều hình thức: học ngoài giờ, tổ chức kèm cặp giúp đỡ thợ trẻ, học tại chức, học tập trung, phát động phong trào tự học... điển hình như Đảng uỷ khối cơ quan dân chính Đảng Cần Thơ tổ chức cho 3.300 đoàn viên, thanh niên theo học các lớp nâng cao và đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ; Tiền Giang qua 9 tháng đầu năm 2004 đã có 4330 lượt cán bộ đoàn viên thanh niên tự đăng ký học tập nhằm nâng cao kiến thức; đoàn than Quảng Ninh hiện có hơn 2000 đoàn viên đang theo học các lớp đại học tại chức....

Để thúc đẩy phong trào học tập nghiên cứu khoa học sâu rộng trong thanh niên đã có nhiều đơn vị, tổ chức xây dựng các loại quỹ khuyến học,

khuyến tài như: đoàn thanh niên Quân đội với Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo toàn quân, Giải thưởng trí tuệ Việt nam, Quả cầu vàng...

Thông qua phong trào “Sáng tạo trẻ” và nội dung học tập nghiên cứu khoa học kỹ thuật đã giúp cho mỗi đoàn viên thanh niên tự nâng cao trình độ văn hoá chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức khoa học kỹ thuật, có năng lực quản lý để tham gia có hiệu quả vào việc tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh tại mỗi địa phương đơn vị.

5.3. Phong trào đảm nhận các công trình, phần việc thanh niên:

Đảm nhận công trình, phần việc thanh niên là môi trường thuận lợi để phát triển các loại hình hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật, hỗ trợ và giúp đỡ đoàn viên, thanh niên tham gia nghiên cứu đề tài, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, chế thử các sản phẩm mới, ứng dụng khoa học công nghệ có hiệu quả trong quá trình lao động sản xuất. Đặc biệt sau khi triển khai phong trào “Sáng tạo trẻ” đã có nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật mới của thanh niên như: công trình “Xây dựng phần mềm quản lý, tra cứu và tích hợp tác nghiệp trên bản đồ số” phục vụ công tác chỉ huy tham mưu tác chiến của đoàn viên Viện công nghệ thông tin (Trung tâm khoa học kỹ thuật và Công nghệ quân sự); công trình “Thực hiện số hoá bộ tổ hợp tần số của điện đài P-158” nhằm nâng cao độ tin cậy của điện đài của đoàn viên Học viện kỹ thuật quân sự; công trình thiết kế kỹ thuật, giám sát thi công và lắp đặt hệ thống băng tải thu hồi xi-măng rơi vãi, tiết kiệm gần một tỷ đồng của tác giả Nguyễn Khắc Kỳ, PBT Đoàn công ty xi măng Hoàng Mai (Nghệ An); đảm nhận đề tài quản lý mạng cáp của tác giả Nguyễn Sỹ Thắng (Bưu điện tỉnh Nghệ An); công trình “Xây dựng hệ thống kiểm soát truy nhập bằng vân tay” của Th.s Phí Anh Quân (chi đoàn E15, Tổng cục IV, Bộ Công an); “Thiết kế trang Web để quản lý điện mã” của Th.s Mai Thị Hiền (đoàn viên V18); công trình “Hợp lý hoá dây chuyền công nghệ xử lý nước” tại trạm bơm nước Hà Tiên (Kiên Giang) của ĐVTN công ty cấp thoát nước đã tiết kiệm cho nhà nước hàng trăm triệu đồng; Hải Phòng phát động phong trào “Đảm nhận 1000 công trình, phần việc thanh

niên chào mừng sinh nhật Bác"... sau 6 tháng triển khai phong trào đã có 1225 công trình khoa học kỹ thuật, công trình sáng tạo của thanh niên.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Phong trào "Sáng tạo trẻ" đã được các cấp bộ Đoàn trong cả nước tập trung chỉ đạo, bước đầu đem lại kết quả thiết thực, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của ĐVTN trong học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ vào thực tiễn cuộc sống, góp phần xây dựng nguồn nhân lực trẻ có trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao, có bản lĩnh chính trị phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình tổ chức triển khai phong trào "Sáng tạo trẻ" còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Việc chỉ đạo của TU Đoàn chưa rõ theo đối tượng thanh niên, chưa thành lập được Ban chỉ đạo phong trào cấp Trung ương, các Ban đối tượng chưa triển khai phong trào theo đối tượng phụ trách.

- Một số tỉnh, thành Đoàn triển khai còn chậm, lúng túng; có đơn vị chưa triển khai tới cơ sở (hoặc có triển khai nhưng không đánh giá, kiểm tra, tổng kết rút kinh nghiệm).

- Công tác chỉ đạo cấp tỉnh chưa rõ nét, chưa cụ thể hoá các nội dung của phong trào vào điều kiện thực tế tại địa phương, đơn vị và đối tượng cụ thể, điều này khiến cơ sở thường bị động khi triển khai thực các nội dung của phong trào của Đoàn cấp trên.

- Một số đơn vị vẫn thường xuyên tổ chức các hoạt động của phong trào sáng tạo trẻ như: luyện tay nghề, trao giải thưởng, tổ chức hội thi, thành lập CLB khoa học kỹ thuật... song các hoạt động lẻ tẻ, theo kỳ cuộc, chưa quy tụ vào thành một phong trào lớn và tiến hành tổ chức phát động, triển khai phong trào "Sáng tạo trẻ" theo yêu cầu của Trung ương.

6. Đánh giá mức độ thực hiện các mô hình hình thức hoạt động sáng tạo chủ yếu của thanh niên do Đoàn tổ chức

- a. Học tập nghiên cứu khoa học được đông đảo cán bộ ĐVTN thực hiện ở mức độ thường xuyên là 62,86%, đối với lực lượng thanh niên an ninh quốc phòng đạt tới 70,2%.

b. Nhận công trình, phần việc thanh niên mang yếu tố KHKT là mô hình đứng thứ hai được đông đảo các cơ sở Đoàn và ĐVTN thực hiện tốt, ở mức độ thường xuyên chiếm 49,7% trong thanh niên viên chức đạt cao nhất đạt 54,1%.

c. Thứ ba là phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất cũng được đông đảo ĐVTN tham gia và có tới 46,6% tham gia ở mức thường xuyên.

d. Việc ứng dụng những tiến bộ KHKT mới vào sản xuất kinh doanh cũng được đông đảo cán bộ ĐVTN thực hiện ở mức độ thường xuyên đạt 47,4%.

e. Riêng phong trào ôn lý thuyết, luyện tay nghề thi thợ giỏi, một phong trào ra đời sớm nhưng đang có xu hướng chững lại. Thực hiện ở mức thường xuyên chỉ đạt 34,1%.

Bảng 14 giới thiệu những mô hình được các cơ sở đánh giá là phù hợp, phát huy hiệu quả cao và xếp theo thứ tự như sau:

Bảng 14: *Mức độ thực hiện các mô hình, phong trào sáng tạo trong thanh niên xếp từ cao xuống*

TT	Các mô hình và phong trào	Thường xuyên		Thỉnh thoảng	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Phong trào học tập và nghiên cứu KHKT	367	62,8	131	22,5
2	Nhận công trình và phần việc thanh niên	290	49,7	193	33,1
3	Ứng dụng tiến bộ KHKT mới vào SXKD	277	47,4	133	22,7
4	Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật	272	46,6	164	28,2
5	Phong trào ôn lý thuyết luyện tay nghề thi thợ giỏi	189	34,1	214	36,7
6	CLB đội nhóm chuyên ngành	186	31,8	198	33,9
7	Xây dựng quỹ hỗ trợ giải thưởng	159	27,2	194	33,3
8	Phong trào CKT	158	27,0	155	26,5
9	Tổ ban KHKT trẻ	132	22,7	169	28,9

Qua bảng 14 ta thấy cán bộ đoàn viên đã có ý thức và trách nhiệm cao trong việc học tập nâng cao trình độ, có ý thức đi vào nghiên cứu KHKT tiếp thu kỹ thuật, công nghệ mới được cán bộ ĐVTN thực hiện thường xuyên ở mức cao 62,8%. Tiếp đó là việc nhận công trình, phần việc thanh niên xếp thứ 2 (49,7%) ứng dụng tiến bộ KHKT mới vào sản xuất kinh doanh (47,4%) phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật luyện tay nghề thi thợ giỏi (34,1%). Tuy nhiên ta cũng thấy phong trào CKT được phát động từ nhiều năm nay nhưng mức độ thực hiện thường xuyên còn ở mức thấp xếp thứ 8 trên 9 phong trào, mô hình qua trưng cầu chỉ có 27,0% cán bộ ĐVTN thực hiện.

Nguyên nhân nào làm cho có sự chênh lệch trên, chính là tính hấp dẫn và hiệu quả của phong trào và mô hình.

Qua đánh giá của 180 cán bộ đoàn viên cho thấy 61,1% xếp mô hình "Công trình thanh niên là số 1" với số điểm từ 1 đến 3 là 110.

Ứng dụng tiến bộ KHKT - công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh xếp thứ hai với số điểm từ 1 - 3 là 94 điểm.

Học tập, nghiên cứu khoa học xếp thứ 3 với số điểm 92. Tiếp đó là phong trào phát huy sáng kiến, luyện tay nghề thi thợ giỏi... (bảng 15a,b).

Bảng 15a: Đánh giá tính hấp dẫn và hiệu quả

LOẠI MÔ HÌNH	XẾP LOẠI SỐ									
	1		2		3		4		5	
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
Công trình TN phần việc TN về KHKT	64	34.0	28	14.9	18	9.5	14	7.4	19	10.1
Ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi	19	10.1	29	15.4	18	9.5	15	7.9	21	11.2
Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật	22	11.7	22	11.7	35	18.6	22	11.7	22	11.7
CLB đội nhóm chuyên ngành	8	4.2	10	5.3	20	10.6	25	13.3	14	7.4
Tổ ban KHKT trẻ	2	1.1	2	1.1	13	6.9	15	7.9	38	20.2
Ứng dụng KHKT mới vào sản xuất kinh doanh	28	14.9	27	14.4	39	20.7	27	14.4	18	9.5
Phong trào CKT	2	1.1	16	8.6	16	8.5	21	11.2	23	12.2
Học tập nghiên cứu KHKT	45	23.9	27	14.4	20	10.6	26	13.8	26	13.8
Quỹ hỗ trợ giải thưởng	8	4.2	8	4.2	8	4.2	12	6.4	12	6.4

Bảng 15b: Đánh giá tính hấp dẫn và hiệu quả

Loại mô hình	XẾP LOẠI SỐ							
	6		7		8		9	
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
Công trình TN phần việc TN về KHKT	19	10.1	29	15.4	30	15.9	11	5.9
Ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi	20	10.6	20	10.6	23	12.2	29	15.4
Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật	24	12.8	31	16.5	5	2.7	10	5.3
CLB đội nhóm chuyên ngành	33	17.6	38	20.2	35	18.6	20	10.6
Tổ ban KHKT trẻ	16	8.5	25	13.3	39	20.7	28	14.8
Ứng dụng KHKT mới vào sản xuất kinh doanh	22	11.7	13	6.9	9	4.7	13	6.9
Phong trào CKT	16	8.5	23	12.2	18	9.6	32	17.0
Học tập nghiên cứu KHKT	17	9.0	15	7.9	13	6.9	15	7.9
Quỹ hỗ trợ giải thưởng	12	6.4	12	6.4	20	10.6	32	17.0

Qua bảng 15a,b ta thấy tính hấp dẫn và hiệu quả gắn bó với nhau: chỉ hiệu quả mới hấp dẫn:

Như công trình phần việc thanh niên vừa đem lại lợi ích được việc, được người, thanh niên vừa được rèn luyện trưởng thành, tổ chức Đoàn lại thể hiện được vai trò là người tổ chức. Còn việc ứng dụng những tiến bộ KHKT mới vào sản xuất kinh doanh được đánh giá là hấp dẫn hiệu quả thứ hai vì nó mới mẻ nên hấp dẫn thanh niên và nếu ứng dụng tiến bộ KHKT mới vào sản xuất kinh doanh sẽ mang lại lợi ích lớn cho doanh nghiệp và người thanh niên thực hiện việc này cũng được trưởng thành và lợi ích cũng sẽ đến với họ vì họ là người thực hiện những tiến bộ KHKT đó.

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Những hạn chế và nguyên nhân:

1.1. Công tác chỉ đạo của Đoàn về các hoạt động và phong trào sáng tạo còn chung chung, dàn trải, chưa có những giải pháp đi sâu vào từng đối tượng thanh. Việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm của các cấp bộ Đoàn còn chưa kịp thời.

Về quan điểm chỉ đạo, trong tất cả các nghị quyết, các chủ trương, phương hướng hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên thì các cấp bộ đoàn đều có đề cập đẩy mạnh hoạt động LĐST khoa học, kỹ thuật trong thanh niên, song chỉ nêu chung chung, dàn trải chưa trở thành mũi nhọn chỉ đạo sát

sao của Đoàn. Đặc biệt phong trào lao động sáng tạo trong thanh niên công nhân từ sau Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII đến nay, các cấp bộ đoàn chỉ lấy phong trào CKT (chất lượng, kiểu dáng mới, tiết kiệm) làm cơ sở nền tảng để chỉ đạo chưa đưa ra được phong trào hoặc phương thức mới.

Công tác chỉ đạo phong trào ở một số địa phương chưa sâu sát. Phương thức chỉ đạo cơ bản bằng hình thức chỉ thị, thông tư trên giấy tờ, ít cử cán bộ xuống tận cơ sở chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc.

Tuy đã có nhiều cố gắng song công tác chỉ đạo của các cấp bộ Đoàn vẫn chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn ở cơ sở.

Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá phong trào ở cơ sở Đoàn cấp trên không thường xuyên. Công tác tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào của các cấp bộ Đoàn không kịp thời, chưa động viên được những điển hình tiên tiến của phong trào. Đặc biệt Trung ương Đoàn từ năm 1998 đến nay, chưa tổ chức tổng kết phong trào LĐST trong thanh niên cấp toàn quốc.

1.2. Vai trò, năng lực và điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ đoàn cơ sở còn hạn chế, ít có khả năng đề xuất và sáng tạo trong chỉ đạo phong trào lao động sáng tạo của thanh niên.

Nếu đánh giá hoạt động của phong trào lao động sáng tạo nói chung ở các cơ sở thì tốt. Song qua theo dõi thực tế cho thấy vai trò đề xuất, chỉ đạo thì thấy phong trào này chủ yếu do chính quyền đề xuất phát động, Đoàn thanh niên chỉ chiếm vị trí thứ 2, cũng có không ít phong trào do Công đoàn phát động. Đoàn thanh niên chỉ đề xuất, tổ chức hơn 1/3 trong số các hoạt động của phong trào lao động sáng tạo ở cơ sở. Lý do chính của vấn đề này là:

- Cán bộ chủ chốt của đoàn cơ sở vừa không có điều kiện, vừa năng lực yếu để đề xuất phong trào. Vì trình độ thấp nên các đồng chí Bí thư đoàn ít có sáng tạo trong phát động phong trào, lại vừa e ngại khi phải điều hành đoàn viên thanh niên có trình độ cao hơn mình trong hoạt động khoa học kỹ thuật.

Cũng do trình độ thấp nên vị trí, vai trò của Bí thư đoàn thường bị “yếu thế” hơn các đồng chí lãnh đạo khác nên không dám đề xuất, phát động các phong trào hoạt động của Đoàn trong lao động sáng tạo.

1.3. Điều kiện cho tổ chức Đoàn và đoàn viên thanh niên tổ chức và tham gia hoạt động lao động sáng tạo, tiếp thu khoa học công nghệ mới ở cơ sở còn hạn chế, thiếu đồng bộ.

- Trước tiên đó là điều kiện kinh phí cho công tác tổ chức hoạt động lao động sáng tạo của Đoàn thanh niên ở cơ sở là rất hạn chế, không có nguồn cung cấp. Mặc dù hiện nay ở trong một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp quốc doanh có quỹ hoạt động sáng tạo, nhưng chủ yếu do chính quyền quản lý. Đoàn thanh niên muốn sử dụng quỹ đó thì phải tổ chức hoạt động trong khuôn khổ quản lý của chuyên môn và được giám đốc chấp nhận. Vì vậy Đoàn không có kinh phí để chủ động tổ chức phong trào.

Một số đơn vị, cũng do trình độ đoàn viên, thanh niên thấp nên họ ít nhiệt tình tham gia phong trào lao động sáng tạo, có nhiều ĐVTN chưa nhận thức rõ vai trò của phong trào LĐST nên thờ ơ không tham gia. Ngoài ra do công tác sơ kết, tổng kết và chế độ khen thưởng chưa kịp thời cũng ảnh hưởng tới phong trào.

1.4. Hình thức, phương thức tổ chức hoạt động lao động sáng tạo của đoàn chưa có nhiều đổi mới. Các mô hình, biện pháp của đoàn nhằm tạo điều kiện, giúp đỡ đoàn viên thanh niên hoạt động sáng tạo còn hạn chế, có nơi kém hơn so với trước.

Qua báo cáo tổng kết phong trào của Trung ương Đoàn, các Tỉnh, Thành đoàn và thực tế khảo sát ở cho thấy hình thức, phương thức hoạt động phong trào lao động sáng tạo ở cơ sở hiện nay vẫn chưa có nhiều đổi mới. Hầu hết các cơ sở đoàn tập trung phương thức nhận công trình thanh niên và tổ chức các cuộc thi tay nghề, chọn thợ giỏi. Ở một số rất ít các cơ sở, đội ngũ cán bộ Đoàn có trình độ thì tổ chức được các hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện đề tài, phát huy sáng kiến trong thanh niên, đảm nhận lắp ráp, vận hành các máy móc, thiết bị mới hiện đại. (Nhưng cũng chỉ

tập trung ở một số đoàn viên thanh niên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật cao tham gia)

Đặc biệt các loại hình Ban khoa học kỹ thuật trẻ, tổ hỗ trợ sáng kiến, Câu lạc bộ học kỹ thuật.v.v... là những mô hình giúp thanh niên hoạt động lao động sáng tạo ngày càng đi sâu trong các cơ sở đoàn.

1.5 Sự quan tâm đầu tư cho các hoạt động sáng tạo của thanh niên của các cấp uỷ đảng, chính quyền ở một số nơi chưa tốt. Chưa có sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành trong hoạt động này.

Để các hoạt động sáng tạo của thanh niên thực sự có hiệu quả và trở thành phong trào thiết thực, ngoài sự cố gắng, nỗ lực của các cấp bộ Đoàn thì sự quan tâm, ủng hộ về tinh thần và vật chất của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đóng vai trò quan trọng, nhiều khi là quyết định. Thực tế khảo sát cho thấy, ở những nơi mà cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian, về kinh phí, cơ sở vật chất và có sự ủng hộ, tham gia của các cấp, các ngành thì các hoạt động sáng tạo của thanh niên rất đa dạng và hiệu quả.

2. Những bài học kinh nghiệm:

Một là, cần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của phong trào sáng tạo trong thanh niên. Cần lựa chọn khâu đột phá, mô hình phù hợp với từng đối tượng thanh niên. Các phong trào, mô hình do Đoàn tổ chức phải phù hợp với đối tượng, với địa bàn dân cư nơi thanh niên sống và làm việc. Nội dung phong trào thiết thực, hình thức phong phú sáng tạo, có sức hấp dẫn thu hút đông đảo ĐVTN tham gia, phù hợp với tâm lý lứa tuổi của TN, phù hợp với từng đối tượng thanh niên. Mục tiêu của phong trào đặt quá cao, nội dung không sát với thực tiễn của ĐVTN sẽ không hấp dẫn và kém hiệu quả trong thu hút tập hợp TN tham gia phong trào.

Hai là, các cấp bộ Đoàn cần chủ động, sáng tạo trong đề xuất tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ngành trong việc tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho thanh niên tham gia phong trào sáng tạo. Để công tác đề xuất tham mưu đạt hiệu quả cao, Đoàn cần nắm vững nhiệm vụ chính trị của Đảng, chính quyền, tổ chức cấp trên, chọn những việc khó, việc mới phù

hợp với Đoàn TN, vận dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, cách làm có hiệu quả, xây dựng kế hoạch chương trình đề án cụ thể có tính khả thi cao.

Ba là, chú trọng công tác tuyên truyền, sơ kết, tổng kết và nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong phong trào sáng tạo. Cần phải tuyên truyền để thanh niên nhận thức đúng về ý nghĩa, mục đích, nội dung của phong trào sáng tạo trẻ, từ đó tích cực tham gia phong trào. Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và có hình thức tuyên dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể xuất sắc trong phong trào.

Bốn là, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ Đoàn phù hợp với yêu cầu của phong trào sáng tạo trẻ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO SÁNG TẠO TRẺ TRONG THỜI GIAN TỚI

I. DỰ BÁO VỀ TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ XU THẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Những dự báo về tình hình thanh niên

1.1. ~~Những năm đầu thế kỷ 21~~ ^{Những thời cơ và thách thức}, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và xã hội đối với thanh niên mở ra cho thanh niên những thời cơ lớn để phát huy tiềm năng, cống hiến và trưởng thành. Các chính sách phát triển giáo dục, dạy nghề là điều kiện cho ngày càng nhiều thanh niên được nâng cao học vấn, tay nghề. Các chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển kinh tế nhiều thành phần là cơ hội cho những thanh niên có bản lĩnh và tài năng lập nghiệp, phát triển sản xuất, dịch vụ, làm giàu cho bản thân và xã hội. Sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp, xây dựng là cơ hội cho hàng vạn thanh niên trở thành người lao động có chuyên môn, sự mở ra của các ngành nghề theo hướng hiện đại là thời cơ của các nhà chuyên gia, trí thức trẻ thể hiện tài năng và sức sáng tạo. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức, việc mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế đang tạo điều kiện cho các bạn trẻ tiếp xúc ngày càng rộng rãi và trực tiếp với thế giới, tiếp cận với kinh nghiệm, tri thức quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Bước trưởng thành của tổ chức Đoàn, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào “Thanh niên tình nguyện” là thời cơ để tuổi trẻ phát huy tính tình nguyện, sáng tạo của mình.

Cùng với những thời cơ, thế hệ trẻ ngày nay cũng đang phải đứng trước những khó khăn, thách thức rất to lớn. Đất nước một mặt vẫn còn nghèo, chưa đủ khả năng, điều kiện để đáp ứng đầy đủ các nhu cầu phát triển của thanh thiếu nhi; mặt khác vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ

trong các chính sách giáo dục và đào tạo, lao động và việc làm, trong đó có cả chính sách về bồi dưỡng, sử dụng và phát huy tài năng trẻ.

Trong cơ chế thị trường, yêu cầu cao của sự nghiệp CNH, HĐH và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ là thách thức lớn đối với số đông thanh niên về trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, về năng lực hành động và sáng tạo. Những mặt trái của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế, những tiêu cực trong xã hội tiếp tục tác động phức tạp đến nhận thức của thế hệ trẻ, bản lĩnh chính trị, hệ thống giá trị, tư tưởng đạo đức và lối sống của thanh niên.

Trước yêu cầu của giai đoạn mới, thanh niên đang gặp những khó khăn, hạn chế: Trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp của thanh niên nhìn chung còn thấp; định hướng nghề nghiệp và động cơ học tập, chọn nghề của nhiều thanh niên chưa phù hợp với thị trường lao động; năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn hạn chế; một bộ phận thanh niên còn thụ động, thiếu tính sáng tạo, vv.

1.2. Dự báo về tình hình thanh niên: Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển của đất nước, tình hình thanh niên sẽ tiếp tục có những biến đổi sâu sắc. Số lượng thanh niên tiếp tục chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu dân số, cơ cấu thanh niên sẽ tiếp tục thay đổi theo hướng giảm trong nông nghiệp, tăng trong dịch vụ và công nghiệp, tỷ lệ thanh niên làm việc trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh sẽ tăng nhanh. Sự phát triển của các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cùng các ngành nghề, dịch vụ mới, trên cơ sở ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại đang thu hút một số lượng lớn thanh niên vào làm việc. Vì vậy, số thanh niên từ nông thôn chuyển dịch về đô thị và các trung tâm kinh tế, công nghiệp sẽ ngày càng lớn. Đây là môi trường thuận lợi để thanh niên học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ về mọi mặt, phát triển trí tuệ, tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ tham gia phát triển kinh tế – xã hội.

2. Dự báo về xu thế các hoạt động của Đoàn trong thời gian tới.

- Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII đã đưa ra mục tiêu: “Tích cực chăm lo bồi dưỡng thanh niên về lý tưởng, đạo đức cách mạng, về trình độ

học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, về thể chất; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh niên; vận động và tổ chức thanh niên xung kích đi đầu tham gia phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Để thực hiện mục tiêu trên, thời gian qua Đoàn thanh niên đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, định hướng chỉ đạo, đặc biệt là Nghị quyết về việc tăng cường vai trò của Đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ thanh niên tham gia phát triển kinh tế – xã hội. Đây là cơ hội, môi trường để mỗi đoàn viên, thanh niên phát huy được năng lực sáng tạo của mình trong việc học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, đảm nhận các công trình, phần việc mang hàm lượng khoa học kỹ thuật cao...

- Phong trào thanh niên tình nguyện ngày càng phát triển, với các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, vệ sinh môi trường, xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, trật tự an ninh văn hóa khu dân cư, công sở... tiếp tục là điểm nhấn trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Tham gia phong trào là môi trường, điều kiện để thanh niên rèn luyện tính sáng tạo và trưởng thành.

- Phong trào Sáng tạo trẻ do Trung ương Đoàn phát động với mục tiêu phát huy năng lực, phẩm chất sáng tạo của thanh niên trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước sẽ được đông đảo thanh niên hưởng ứng, tích cực tham gia.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO SÁNG TẠO TRẺ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên về vị trí, vai trò của phong trào sáng tạo trẻ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.1. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và yêu cầu về năng lực sáng tạo của con người

Ngày nay, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang tác động lên tất cả các

quốc gia. Có thể nói tất cả mọi quốc gia hoặc là đang ở trạng thái này, trình độ này hoặc là đang ở trạng thái khác, trình độ khác của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đối với những nước phát triển, công nghiệp hoá tiếp tục tạo ra và đưa vào sử dụng những thành tựu khoa học-công nghệ tiên tiến nhất nhằm nâng cao năng xuất lao động, đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế và xã hội. Đối với những nước chậm và đang phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là con đường tất yếu để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, từng bước hội nhập vào tiến trình phát triển chung của nhân loại. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang là xu thế tất yếu mang tính toàn cầu hiện nay.

Đòi hỏi đầu tiên của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là đổi mới công nghệ; vì chỉ thông qua các công nghệ mới, hiện đại mà các nguồn lực quốc gia được huy động tối đa vào sản xuất, các lĩnh vực hoạt động được đổi mới và nâng cấp về chất. Đòi hỏi này càng trở nên cấp thiết hơn khi chúng ta tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ một điểm xuất phát còn quá thấp. Theo đánh giá của Bộ Khoa học- Công nghệ, chỉ xét về mặt công nghệ, Việt Nam đang ở vào trình độ lạc hậu so với các nước tiên tiến khoảng 100 năm, so với các nước trung bình khoảng từ 1 đến 3 thế hệ. Việc đổi mới công nghệ, do vậy đòi hỏi những nỗ lực sáng tạo rất lớn trên cả 2 hướng nhập khẩu và hướng sáng tạo công nghệ.

Là một nước nghèo, trên thực tế hiện nay chúng ta không thể nhập khẩu được những dây chuyền công nghệ tiên tiến, những công nghệ cao mà chỉ nhập được các thiết bị loại trung bình, thậm chí lạc hậu. Để khắc phục được tình trạng này, chúng ta phải có nỗ lực tìm tòi sáng tạo trên nhiều phương diện khác nhau.

Đối với một đất nước không có truyền thống về khoa học tự nhiên và kỹ thuật như ở nước ta thì việc đẩy mạnh sáng tạo công nghệ mới là một điều không đơn giản. Tuy nhiên mức độ trưởng thành của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá không chỉ phụ thuộc vào khả năng sáng tạo trong nhập khẩu công nghệ, mà trên một ý nghĩa nhất định, lại phụ thuộc đáng kể vào khả năng sáng tạo công nghệ ngay trong nước. Đón đầu, tìm tòi sáng tạo công nghệ mới trong những lĩnh vực mà đất nước có lợi thế chính là tạo

ra khả năng cạnh tranh bình đẳng trên trường quốc tế.

Đổi mới công nghệ, đẩy mạnh công nghiệp hoá không chỉ liên quan đến yêu cầu phát huy năng lực sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ mà còn liên quan đến yêu cầu sáng tạo trong lĩnh vực quản lý. Những trình độ áp dụng công nghệ khác nhau, quy định những nguyên tắc, những phương pháp, phương tiện khác nhau trong quản lý thích ứng với trình độ đó. Đồng thời, thành tựu khoa học công nghệ khi được áp dụng vào các lĩnh vực khác nhau của hoạt động xã hội cũng kéo theo các yêu cầu mới đối với các hoạt động đó. Hơn thế, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá được thực hiện trong cơ chế thị trường nên những yêu cầu về sáng tạo càng trở nên cấp thiết hơn. Trong cơ chế thị trường, dưới tác động của quy luật giá trị, các chủ thể kinh tế luôn luôn phải tính toán, tìm tòi các giải pháp kinh tế kỹ thuật, các giải pháp quản lý và cả các giải pháp tinh thần . . . nhằm giảm chi phí sản xuất, tìm kiếm đối tác, tạo ra lợi thế cạnh tranh.

Như vậy, trong khi tác động lên mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội con người, cơ chế thị trường và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đồng thời đòi hỏi phải có được những con người có đầy đủ các năng lực hoạt động sáng tạo tương ứng và đáp ứng các yêu cầu của cơ chế và quá trình đó.

Tuy nhiên yêu cầu về việc nâng cao năng lực sáng tạo cho con người không chỉ bị quy định ở khía cạnh con người như chủ thể, như động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; điều có ý nghĩa hơn là công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải tạo ra những con người phát triển toàn diện, tức những con người được xét từ khía cạnh mục đích chứ không phải phương tiện. Nâng cao năng lực sáng tạo cho con người, do vậy càng trở nên có ý nghĩa bức xúc trong điều kiện hiện nay.

1.2. Tăng cường công tác tuyên truyền để đoàn viên, thanh niên hiểu được mục đích ý nghĩa của phong trào sáng tạo trẻ từ đó xác định vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tham gia phong trào.

a. Phong trào sáng tạo trẻ được phát động với mục đích:

- Khơi dậy và phát huy phẩm chất, tiềm năng sáng tạo, tinh thần xung kích của đoàn viên, thanh niên trong hoạt động, học tập nâng cao trình độ, ✓

làm chủ và ứng dụng khoa học-công nghệ hiện đại, làm chủ và vận hành máy móc, thiết bị tiên tiến.

- Tạo điều kiện và môi trường cho đoàn viên, thanh niên phát huy năng lực sáng tạo góp phần phát triển kinh tế xã hội và đào tạo nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao cho thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Thông qua phong trào, nâng cao chất lượng đoàn viên, thanh niên, chất lượng, uy tín của tổ chức Đoàn, Hội.

b. Các nội dung, giải pháp trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, thanh niên về phong trào sáng tạo trẻ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và tạo sự chuyển biến trong Đoàn TN, trong đoàn viên thanh niên về vai trò và nhiệm vụ của mình tham gia phát triển khoa học và công nghệ của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuyên truyền về chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển KH, CN, về các chế độ chính sách cơ chế khuyến khích, bảo vệ quyền lợi trong các hoạt động KH, CN. Tuyên truyền về các hoạt động của Đoàn TN tham gia phát triển khoa học và công nghệ, về lao động việc làm, về xã hội học tập...trong ĐVTN.

- Tuyên truyền cổ vũ động viên ĐVTN tham gia phong trào sáng tạo, tuyên truyền về các hoạt động của phong trào, các gương điển hình của phong trào, tôn vinh, giới thiệu quảng bá thương hiệu, sản phẩm sáng tạo của TN.

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức trách nhiệm công dân, xây dựng phẩm chất tốt đẹp và đạo đức cách mạng, phong cách làm việc, xây dựng đội ngũ thanh niên ưu tú cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới hình thức, phương thức tuyên truyền để kịp thời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của TN, cùng với sự phát triển nhanh chóng của các công cụ thông tin hiện đại.

2. Đổi mới nội dung, phương thức tổ chức và hoạt động của phong trào sáng tạo trẻ.

2.1. Đổi mới nội dung hoạt động của phong trào sáng tạo trẻ.

Để khơi dậy và phát huy phẩm chất, tiềm năng sáng tạo, tinh thần xung kích, tình nguyện của đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia phong trào “Sáng tạo trẻ”, Đoàn TN với vai trò là người tổ chức, chỉ đạo cần xác định những nội dung phù hợp với từng đối tượng thanh niên, phù hợp với tình hình của từng địa phương đơn vị trên cơ sở những giải pháp, chương trình, đề án cụ thể, khoa học và sáng tạo.

Từ kết quả nghiên cứu và kết quả điều tra xã hội học, đề tài đưa ra 03 nội dung chính của phong trào Sáng tạo trẻ là:

- *Động viên khuyến khích đoàn viên, thanh niên đề xuất các ý tưởng, các phát minh sáng chế, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, các ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tiên tiến.*

- *Đẩy mạnh các hoạt động học tập, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ.*

- *Đảm nhận các công trình khoa học kỹ thuật, các công trình sáng tạo.*

Để phong trào Sáng tạo trẻ thu hút được đông đảo thanh niên tham gia thì tổ chức Đoàn cần đưa ra các nội dung hoạt động cụ thể cho từng đối tượng thanh niên. Từ kết quả điều tra xã hội học và nghiên cứu thực tế, Ban chủ nhiệm đề tài đề xuất các nội dung hoạt động cụ thể của phong trào sáng tạo trẻ trong từng đối tượng thanh niên như sau:

a. Trong thanh niên Công nhân:

- Đề xuất sáng kiến, cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, nghiên cứu sáng tác mẫu mã, kiểu dáng, nâng cao chất lượng sản phẩm trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mang lại hiệu quả cao.

- Đảm nhận những công trình, phần việc khoa học kỹ thuật thanh niên.

- Tổ chức các hình thức nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức về khoa học kỹ thuật, công nghệ và quản lý cho thanh niên.

b. Trong thanh niên Nông thôn:

- Phát huy sáng kiến trong việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học.

- Cải tiến, sáng chế máy móc, công cụ lao động phục vụ, hỗ trợ sản xuất.

- Nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức về khoa học kỹ thuật.

c. Trong thanh niên Viên chức:

- Đề xuất các ý tưởng, sáng kiến, giải pháp mang tính đột phá, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng phương pháp làm việc khoa học hiệu quả.

- Đảm nhận các đề tài nghiên cứu khoa học, các chuyên đề trong từng lĩnh vực, ngành nghề đặc biệt là những ngành nghề mới như: sinh học, tin học, vật liệu mới, tự động hóa... để tìm ra những giải pháp, phát minh sáng chế mới.

- Nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học... thông qua đó nâng cao chất lượng tham mưu, có những sáng kiến trong hoạch định, xây dựng chính sách và tổ chức quản lý của từng đơn vị.

d. Trong thanh niên Đô thị:

- Đề xuất các ý tưởng, các sáng kiến trong tổ chức, quản lý và xây dựng đô thị, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

- Đề ra những dự án, đề án sản xuất kinh doanh mới, khả thi, qua đó giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho thanh niên.

đ. Trong thanh niên Trường học:

- Các sáng kiến, sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng học tập.

- Nghiên cứu và tập sự nghiên cứu khoa học, chú trọng nghiên cứu các đề tài khoa học kỹ thuật có tính ứng dụng thực tiễn cao trong cán bộ, giảng viên trẻ và sinh viên.

e. Trong thanh niên lực lượng vũ trang:

- Đề xuất các ý tưởng, sáng kiến, sáng chế trong luyện tập và chiến đấu, đảm nhận các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

- Ứng dụng khoa học công nghệ mới trong việc sản xuất, bảo quản, sử dụng, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang thiết bị góp phần xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, hiện đại.

2.2. Đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của phong trào sáng tạo trẻ.

a. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, học tập nâng cao trình độ làm chủ và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại.

- Khảo sát và phân loại trình độ của đoàn viên thanh niên ở cơ sở, phối hợp với các ban, ngành tạo điều kiện và xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ thanh niên công nhân lao động trẻ; kiến nghị, giới thiệu và cử những đoàn viên thanh niên tích cực tham gia các lớp học: lớp học nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, tay nghề, ngoại ngữ, vi tính...

- Đa dạng hóa các loại hình, phương thức học tập, vận động thanh niên tự học ở các Trung tâm giáo dục thường xuyên, tổ chức học theo ca sản xuất, học trong và ngoài giờ..., xây dựng ý thức tự nguyện đăng ký tham gia học tập của đoàn viên, thanh niên, tạo động lực thi đua trong học tập, hỗ trợ kinh phí, sách giáo khoa, dụng cụ học tập cho đoàn viên, thanh niên.

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường việc phổ biến và trao đổi thông tin khoa học kỹ thuật tới đoàn viên thanh niên, qua đó nâng cao nhận thức của đoàn viên về vai trò của khoa học công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Hình thành các câu lạc bộ sở thích, câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ nghiệp vụ, câu lạc bộ thanh niên yêu khoa học để đoàn viên thanh niên trau dồi, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, trình độ khoa học kỹ thuật.

- Gắn học tập nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất, liên hệ với điều kiện thực tiễn của đơn vị, doanh nghiệp để có hiệu quả cao, phát huy được năng lực sáng tạo của mỗi đoàn viên, thanh niên trong quá trình phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý sản xuất.

- Tiếp tục duy trì, phát triển mô hình “Quỹ khuyến học, khuyến tài”, các loại quỹ hỗ trợ cho học tập và nghiên cứu khoa học thanh niên.

- Chú trọng phát hiện những tài năng, những đoàn viên, thanh niên có tính sáng tạo để bồi dưỡng, đào tạo làm cán bộ nòng cốt trong đơn vị.

- Xây dựng các danh hiệu, giải thưởng cho giáo viên tình nguyện tham gia dạy học các lớp học phổ cập văn hóa và những đoàn viên có nhiều thành tích trong việc vận động thanh niên đến lớp học.

b. Cổ vũ động viên Đoàn viên TN phát huy năng lực sáng tạo để xuất sắc kiến, cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu phát minh sáng chế.

- Tổ chức đảm nhận các công trình, phần việc thanh niên mang yếu

tổ khoa học kỹ thuật, công trình thanh niên hướng vào việc giải quyết khâu khó, việc mới, công trình phải là nơi tập hợp đông đảo trí tuệ, sức mạnh và sự sáng tạo của thanh niên lao động trẻ, tiêu biểu về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Tổ chức các hội thi: ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi... với chủ đề “Sáng kiến hay, tay nghề giỏi”.

- Đẩy mạnh và phát triển các mô hình tập thể sản xuất thanh niên dưới các hình thức: Tổ, đội sản xuất thanh niên; ca, xe máy thanh niên...

- Mở hộp thư sáng kiến để thu thập các sáng kiến, ý tưởng mới của đoàn viên, thanh niên. Tổ chức “Hội thi sáng kiến”, bình chọn sáng kiến hay nhất trong tháng (năm, tuần...) để cổ vũ, động viên thanh niên đề xuất sáng kiến.

- Xây dựng và củng cố mô hình Ban khoa học kỹ thuật trẻ hoặc câu lạc bộ khoa học kỹ thuật trẻ, trung tâm sáng tạo khoa học kỹ thuật trẻ, nhóm hỗ trợ sáng kiến... để hướng dẫn, giúp cho đoàn viên, thanh niên công nhân đề xuất và phát huy sáng kiến.

- Phát triển mạnh các loại hình hoạt động hỗ trợ sáng tạo công nghệ, tiếp tục duy trì các loại quỹ “Khuyến khích tài năng trẻ”, “Bảo trợ tài năng trẻ”, giải thưởng “Khoa học kỹ thuật thanh niên”, giải thưởng “Sáng tạo khoa học Việt Nam”, quỹ “Tri thức trẻ”, “Vườn ươm ý tưởng kinh doanh”... nhằm hỗ trợ, giúp đỡ đoàn viên thanh niên nghiên cứu, đảm nhận các đề tài có sáng kiến mang lại giá trị thiết thực.

- Tổ chức các hoạt động triển lãm, hội trợ, FESTIVAL Sáng tạo trẻ... về chủ đề sáng tạo khoa học kỹ thuật trong thanh niên công nhân.

- Xây dựng các “tủ sách khoa học kỹ thuật” ở các chi đoàn để đoàn viên, thanh niên có thể cập nhật thông tin về khoa học – kỹ thuật và công nghệ mới.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền trong phong trào “Sáng tạo trẻ” thông qua hệ thống báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình của Đoàn, kịp thời thông tin các hoạt động sáng tạo ở cơ sở, phản ánh những tấm gương cá nhân, tập thể xuất sắc, các giải pháp, đề tài, đồ án mang tính đột phá, sáng tạo.

c. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy phong trào, tạo điều kiện môi trường cho ĐVTN phát triển toàn diện góp phần đào tạo nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Duy trì và phát triển các loại quỹ “Khuyến khích tài năng trẻ”, “Bảo trợ tài năng trẻ”, quỹ “Khuyến học, khuyến tài”, giải thưởng “Khoa học kỹ thuật thanh niên”, giải thưởng “Sáng tạo khoa học Việt Nam”, giải thưởng “Tự động hóa”, quỹ “Tri thức trẻ”, “Vườn ươm ý tưởng kinh doanh”... nhằm hỗ trợ, giúp đỡ đoàn viên, thanh niên học tập, nghiên cứu, đảm nhận các đề tài, sáng kiến mang lại giá trị thiết thực.

- Đẩy mạnh các hình thức đỡ đầu, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong việc đưa các sáng kiến, phát minh vào ứng dụng thực tiễn.

- Củng cố và phát triển mô hình Ban khoa học kỹ thuật trẻ hoặc Câu lạc bộ khoa học kỹ thuật trẻ, Trung tâm sáng tạo khoa học kỹ thuật trẻ, Nhóm hỗ trợ sáng kiến...

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường việc phổ biến và trao đổi thông tin khoa học kỹ thuật tới đoàn viên thanh niên, qua đó nâng cao nhận thức của đoàn viên về vai trò của khoa học công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Hình thành các câu lạc bộ sở thích, câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ nghiệp vụ, câu lạc bộ thanh niên yêu khoa học để đoàn viên thanh niên trau dồi, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, trình độ khoa học kỹ thuật.

- Thông qua các kênh truyền thông, các tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật để cung cấp thông tin, giúp đoàn viên, thanh niên nắm các thông tin về khoa học kỹ thuật, biết sử dụng và khai thác các nguồn thông tin và các thiết bị thông tin hiện đại. Xây dựng các “tủ sách khoa học kỹ thuật” ở các chi đoàn để đoàn viên, thanh niên có thể cập nhật thông tin về khoa học – kỹ thuật và công nghệ mới.

- Những nơi có điều kiện đề xuất, khai thác nguồn lực lập quỹ “Sáng

tạo trẻ”. Hàng năm tổ chức các hình thức gặp mặt, hội nghị để cổ vũ, tôn vinh các tập thể, cá nhân xuất sắc.

d. Phương châm hành động của phong trào là:

“Mỗi đoàn viên thanh niên một ý tưởng sáng tạo, mỗi Chi Đoàn là một hộp thư sáng kiến, mỗi cơ sở Đoàn là một vườn ươm sáng tạo”.

2.3 Triển khai một số mô hình hoạt động có hiệu quả trong phong trào sáng tạo trẻ.

2.3.1. Mô hình Ban khoa học - kỹ thuật trẻ:

a. Mục đích:

- Góp phần nâng cao trình độ và hiểu biết về khoa học - kỹ thuật, về công nghệ mới cho đội ngũ công nhân, lao động trẻ để từ đó áp dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ..., hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

- Phát huy tiềm năng sáng tạo, tính năng động và tích cực của đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật trẻ, công nhân, lao động trẻ tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

b. Nội dung hoạt động:

- Nghiên cứu nhiệm vụ, kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh dịch vụ của đơn vị mình, đặc biệt là các chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật của đơn vị để đề xuất nội dung chương trình, các hoạt động khoa học – kỹ thuật của đoàn viên thanh niên, của tổ chức Đoàn tại cơ sở.

- Trực tiếp tổ chức một số hoạt động khoa học – kỹ thuật trong đoàn viên, thanh niên như:

+ Học tập nâng cao kiến thức: văn hoá, ngoại ngữ, tin học, sáng kiến cải tiến, công nghệ mới, khoa học thường thức...

+ Tổ chức các cuộc thi tay nghề, sáng kiến, nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học...

+ Tổ chức ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, đảm nhận các công trình phân việc thanh niên.

+ Đề xuất các hình thức khen thưởng, các cơ chế chính sách cho hoạt động khoa học – kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng những cá nhân xuất sắc thông qua phong trào cơ sở.

c. Cơ cấu tổ chức:

- Thành phần chủ yếu của Ban KHKT trẻ là cán bộ Khoa học – Kỹ thuật trẻ, công nhân, lao động trẻ có tay nghề, kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất, dịch vụ, kinh doanh. Ngoài ra trong thành phần có đại diện của BCH Đoàn, một số chuyên gia có uy tín làm cố vấn và là thành viên danh dự của Ban KHKT trẻ.

- Số lượng thành viên của Ban KHKT trẻ có thể từ 5 đến 10 người tùy theo tính chất, đặc điểm, quy mô của từng đơn vị.

- Trưởng ban là một cán bộ KHKT đồng thời là uỷ viên Ban Thường vụ (hoặc Uỷ viên Ban chấp hành) Đoàn.

Ban KHKT trẻ ở những đơn vị lớn có thể hình thành các tiểu ban: Tiểu ban thông tin KHKT; Tiểu ban nâng cao kiến thức tay nghề; Tiểu ban tổ chức các hoạt động KHKT: hội thi, hội thảo, đảm nhận công trình phân việc thanh niên...

- Cần quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các tiểu ban, của các thành viên trong Ban KHKT trẻ. Hàng tháng, quý, bộ phận thường trực của Ban KHKT trẻ phải tổng kết, đánh giá hoạt động KHKT trẻ và xây dựng chương trình công tác trong tháng, quý tiếp theo.

d. Quy trình thành lập:

+ Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, dịch vụ, kinh doanh của từng đơn vị, tổ chức Đoàn xây dựng phương án, kế hoạch thành lập Ban KHKT trẻ theo các bước sau:

- Tổ chức họp Ban chấp hành, Ban thường vụ Đoàn cơ sở để thảo luận và quyết định phương án thành lập Ban KHKT

- Chuẩn bị lực lượng nòng cốt là các cán bộ trẻ có trình độ KHKT

- Báo cáo cấp uỷ, chính quyền để tăng cường sự chỉ đạo, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của chính quyền cho các hoạt động. Trong quá trình thực hiện cần phối hợp tốt với các tổ chức khác như Công đoàn, Nữ công...

e. Một số kinh nghiệm khi triển khai:

- Phải có sự quan tâm sâu sát đến thành viên Ban chủ nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu.

- Biết lựa chọn nội dung hoạt động phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của đơn vị, cân đi vào khâu khó, việc mới.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần tìm hiểu sâu về cơ chế, chính sách để tổ chức các hoạt động cho phù hợp, khai thác các nguồn lực vật chất và kinh phí hoạt động.

- Kết hợp hài hoà lợi ích chính đáng của cá nhân đoàn viên, thanh niên với lợi ích tập thể, khơi dậy tính sáng tạo xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ. Xây dựng cơ chế khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng để khuyến khích các đoàn viên, thanh niên xuất sắc trong phong trào.

2.3.2 Mô hình luyện tay nghề, thi thợ giỏi:

Luyện tay nghề thi thợ giỏi là một hình thức hoạt động của Đoàn nhằm động viên thanh niên tích cực học tập rèn luyện tay nghề, phong cách làm việc để trở thành thợ giỏi, đáp ứng yêu cầu của sản xuất góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch của đơn vị.

a. Mục đích yêu cầu:

- Động viên khuyến khích thanh niên công nhân tích cực học tập, ôn lý thuyết, luyện kỹ năng tay nghề, rèn phong cách lao động mới để trở thành thợ giỏi.

- Kết hợp phong trào rèn luyện tay nghề, thi thợ giỏi với kế hoạch sản xuất, kinh doanh của đơn vị, qua đó tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đa dạng với giá thành hạ.

- Thông qua các cuộc luyện tay nghề thi thợ giỏi để nâng cao năng lực hiểu biết về kinh tế - kỹ thuật, năng lực tổ chức và hoạt động của cán bộ Đoàn. Tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Đoàn với chuyên môn và Công đoàn trong các hoạt động ở doanh nghiệp.

b. Đối tượng tham gia:

- Đoàn viên, thanh niên trong cùng ngành nghề đăng ký tham gia thi với nhau. Trong cùng một đợt thi có thể tổ chức thi nhiều nghề khác nhau.

Với cấp Tỉnh, Thành, chỉ nên tổ chức tối đa thi 5 nghề trong một đợt để đảm bảo chất lượng.

Ví dụ:

- + Ngành cơ khí: Thi nghề tiện, phay bào, nguội, lắp ráp,...
- + Ngành điện: Thi vận hành lò, tước bin, sửa chữa thiết bị điện,...
- + Ngành xây dựng: Thi xây, trát, lát, mộc,...
- + Ngành than: Thi đào lò nhanh, vận tải, khoan, xúc,...
- + Ngành thủ công nghiệp: Thi thêu, ren, dệt thảm, may, làm hoa giấy, hoa lụa,...

+ Tin học.

- Tuỳ theo đặc điểm sản xuất, yêu cầu kỹ thuật và trình độ công nhân từng ngành mà có thể tổ chức thi theo 2 loại hình sau:

+ Thi theo bậc thợ: Đối với những ngành nghề mà các bậc thợ làm nhiều loại sản phẩm khác nhau, quy trình thao tác không giống nhau thì có thể tổ chức theo bậc thợ với tiêu chuẩn kỹ thuật riêng. Ví dụ như ngành cơ khí, xây dựng v.v...

+ Thi không theo bậc thợ: Đối với những ngành nghề mà tất cả bậc thợ, làm mặt hàng, quy trình thao tác giống nhau có thể thi theo tiêu chuẩn thống nhất không phân biệt bậc thợ. Ví dụ như ngành dệt, may thêu, ren, thảm, đan lát v.v...

Lực lượng tham gia thi chủ yếu là thanh niên, nhưng có thể lôi cuốn thêm một số công nhân lớn tuổi tự nguyện tham gia, song trình độ không quá chênh lệch với thanh niên để động viên sự hào hứng phấn khởi của thanh niên và phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

c. Điều kiện tham gia thi:

- Là những thanh niên công nhân trực tiếp sản xuất đã tham gia phong trào "Ôn luyện tay nghề, thi thợ giỏi" ở đơn vị.

- Đã qua các đợt thi cơ sở và được Giám đốc, Ban chấp hành Đoàn, Công đoàn công nhận là thợ giỏi và được cử đi tham gia các hội thi cấp cao.

- Không mắc phải khuyết điểm nghiêm trọng trong sản xuất và đạo đức sinh hoạt, được quần chúng tín nhiệm, tự nguyện đăng ký tham gia rèn luyện tay nghề và thi cấp cao.

d. Chuẩn bị nội dung:

- Bảo đảm thống nhất các nội dung kỹ thuật cơ bản theo quy trình thao tác, các tiêu chuẩn về phẩm chất, sản lượng và tiết kiệm.

- Nội dung thi phải tập trung cụ thể nhằm vào những yêu cầu kỹ thuật chính, từng khâu, từng công đoạn, tránh đề ra tiêu chuẩn chung chung hoặc quá tràn lan không có tác dụng hướng dẫn việc ôn luyện cũng như ảnh hưởng đến kết quả hội thi.

- Kết quả hội thi phản ánh các mặt kỹ thuật, nghiệp vụ, tay nghề của thanh niên công nhân, qua đó áp dụng vào doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

Nội dung thực hành gồm:

- Quy trình kỹ thuật. Ví dụ: quy trình về kỹ thuật áp dụng trong quá trình chế biến sản phẩm (gồm nội quy thao tác, quy trình công nghệ) và việc sử dụng sửa chữa máy móc thiết bị cũng như những quy tắc về an toàn kỹ thuật.

- Những chỉ tiêu về năng suất gồm: số lượng sản phẩm và thời gian chế tạo sản phẩm.

- Những yêu cầu và tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm.

- Các chỉ tiêu về tiết kiệm, chủ yếu là định mức tiêu hao về nguyên nhiên vật liệu.

Ngoài yêu cầu trên tùy từng ngành có thể quy định thêm một số yêu cầu nữa như quá trình chuẩn bị sản xuất, chỉ tiêu giá thành...

Căn cứ vào các tiêu chuẩn, kỹ thuật, quy trình, quy phạm do Nhà nước, Bộ và doanh nghiệp đã ban hành để đưa ra định mức cũng như quy trình thực hiện hội thi thợ giỏi.

Nội dung thi lý thuyết:

Khi đưa ra nội dung này, cần chú ý lý thuyết về kỹ năng sản xuất rất rộng và toàn diện. Cần cân nhắc kỹ lưỡng và chọn ra những phần lý thuyết

thích hợp, đảm bảo trình độ cơ bản chung, phục vụ yêu cầu trước mắt và từng bước nâng cao, bao gồm:

- Lý luận cơ bản về kỹ thuật sản xuất như quy trình công nghệ, thao tác bảo quản, sửa chữa máy móc, yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

- Lý luận về cơ cấu, tính năng máy móc thiết bị.

Lý thuyết phải chi tiết thành từng câu hỏi và có đáp án để mọi người dễ ôn luyện, không tốn nhiều thời gian mà có hiệu quả. Tránh đề ra nội dung quá phức tạp, quá nhiều câu hỏi. Song ngược lại, không đơn giản hạ thấp yêu cầu, không tiêu biểu cho trình độ thợ giỏi sẽ hạn chế tác dụng cuộc thi.

e. Chuẩn bị các điều kiện vật chất kỹ thuật:

- Chuẩn bị về máy móc thiết bị:

Trước khi thi cần chuẩn bị tốt về máy móc thiết bị như: số lượng máy (gồm cả dự trữ), phải đồng đều, chính xác, đủ cấu kiện, phụ tùng. Đảm bảo mặt bằng đặt máy, chất lượng máy (không chọn máy quá cũ, hư hỏng nhiều để thi). Có lực lượng chuyên lo điều chỉnh, sửa chữa máy để đảm bảo cuộc thi giữa các đơn vị thật công bằng.

- Chuẩn bị đầy đủ nguyên, nhiên vật liệu, động lực và các công cụ thao tác như: các phối liệu, nguyên liệu đủ số lượng, đồng đều phẩm chất, đảm bảo kích thước. Riêng công cụ thao tác như đá, dao, thước v.v... thường người dự thi mang theo nhưng phải chuẩn bị sớm và có công cụ dự trữ. Phải kiểm tra thống nhất dụng cụ đo lường giữa người thi với bộ phận kiểm tra để đảm bảo sự công bằng, chính xác.

- Chuẩn bị tốt lực lượng cán bộ kỹ thuật về nhiệm vụ, trách nhiệm đối với cuộc thi. Để phục vụ hội thi, Đoàn cần thu hút lực lượng cán bộ kỹ thuật đông đảo từ các đơn vị.

f. Chuẩn bị về tổ chức:

Xác định trách nhiệm từng tổ chức trong cuộc thi:

- Đối với Đoàn Thanh niên:

- + Chủ động dự kiến kế hoạch, chủ trương, phối kết hợp với các ngành. Đoàn thanh niên chủ động điều tra nắm vững khả năng, mức độ có

thể tổ chức thi ở ngành nào. Yêu cầu kỹ thuật ngành đó ra sao? Phong trào ôn luyện thanh niên đến đâu, khả năng cán bộ kỹ thuật ngành dự định thi như thế nào?...

Trên cơ sở điều tra sơ bộ, Đoàn dự thảo kế hoạch (yêu cầu mục đích của cuộc thi, phân tích được yêu cầu kinh tế kỹ thuật nhất định để đề xuất kết hợp với chuyên môn).

+ Tham gia tích cực vào quá trình chuẩn bị hội thi.

Sau khi bàn bạc thống nhất chủ trương với các ngành, Đoàn Thanh niên cử cán bộ tham gia vào chuẩn bị một số yêu cầu nhất định như tham gia nội dung, tuyên truyền, tổ chức...

+ Lãnh đạo và chỉ đạo sát sao Đoàn các cơ sở đẩy mạnh việc ôn luyện tay nghề hưởng ứng hội thi thật sôi nổi thiết thực có hiệu quả.

- Đối với chuyên môn:

+ Thống nhất chủ trương chung, cần có thông tri liên tịch giữa Đoàn với chuyên môn trong việc tổ chức hội thi để cơ sở thực hiện tốt.

+ Giao trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận liên quan như: bộ phận kỹ thuật, lao động tiền lương...

+ Chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, tìm địa điểm đăng cai hội thi và kinh phí để triển khai hội thi.

Thành lập hội đồng thi:

- Hội đồng thi gồm các đồng chí lãnh đạo chuyên môn, Công đoàn. Đoàn Thanh niên có nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ cuộc thi, giúp Ban lãnh đạo cuộc thi cần có một số cán bộ có trách nhiệm cao để chuyên lo về từng mảng nội dung, tuyên truyền, cơ sở vật chất. Số cán bộ trên cần có thời gian nhất định để chủ động triển khai

g. Tổ chức ngày hội thi:

Tổ chức ngày hội thi phải bảo đảm được không khí vui tươi, phấn khởi đoàn kết, nghiêm túc và công bằng. Thể hiện được phong cách lao động có kỷ luật, kỹ thuật, có năng suất cao của thợ giỏi. Sau hội thi phải rút ra những điểm mới và những bài học kinh nghiệm để phổ biến rộng rãi trong ngành.

Hình thức ngày hội: Phải vui tươi, hấp dẫn, thiết thực.

- Khung cảnh nơi thi trang trí đẹp, đúng tính chất, thuận lợi cho người tham gia nhằm cổ vũ mọi người say sưa lao động, trở hết tài năng.

- Ăn mặc của các thợ giỏi dự thi: Gọn gàng, thống nhất theo kiểu bảo hộ lao động. Thể hiện được tư thế, tác phong lao động công nghiệp.

- Lễ khai mạc và bế mạc trang nghiêm, sôi nổi để động viên tinh thần thi đua lao động của thợ giỏi.

h. Chú ý:

- Trước khi vào thi các thợ giỏi phải được phổ biến lại lần cuối về thể lệ, nội quy thi và được chuẩn bị máy sớm (chú ý khu vực nhận máy phải tính toán để bảo đảm thật công bằng).

- Các lực lượng chấm thi phải bàn bạc nhất trí về phương pháp chấm thi, kiểm tra đầy đủ phương tiện theo dõi, bố trí vào khu vực thi sớm.

- Bố trí và chuẩn bị tốt các bộ phận phục vụ về nguyên nhiên vật liệu, sửa chữa máy và các lực lượng phục vụ khác.

- Giờ giấc thi phải đảm bảo, hiệu lệnh thi phải dứt khoát rõ ràng. Phải có trọng tài để giải quyết kịp thời các vấn đề trong quá trình thi.

- Cách bố trí giữa thi lý thuyết, thực hành phải cân đối để bảo đảm cuộc thi hấp dẫn, hào hứng, có thể thi lý thuyết trước, thi thực hành sau.

2.3.3 Mô hình “Hội thi sáng kiến”:

a. Mục đích – Yêu cầu:

- Khơi dậy và phát huy phẩm chất, tiềm năng sáng tạo, tinh thần xung kích của đoàn viên, thanh niên trong lao động, học tập nâng cao trình độ, làm chủ và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, làm chủ và vận hành máy móc, thiết bị tiên tiến; tạo điều kiện, môi trường cho đoàn viên, thanh niên đưa ra ý tưởng sáng tạo.

- Thu thập và triển khai những ý tưởng sáng tạo có tính khả thi, áp dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa phương, đơn vị.

- Việc thu thập những ý tưởng sáng tạo của đoàn viên, thanh niên phải được tiến hành linh hoạt, cụ thể, đơn giản, có hiệu quả cao.

b. Nội dung hoạt động:

- Tuyên truyền, vận động cho Đoàn viên, thanh niên và cán bộ công nhân trong đơn vị, doanh nghiệp đưa ra những ý tưởng sáng tạo (Lưu ý hình thức đa dạng: bằng phiếu trực tiếp, cá nhân, tập thể).

- Tổ chức thu thập ý tưởng sáng tạo thông qua hộp thư sáng kiến, ngày hội sáng kiến, hội thu sáng kiến, tại các buổi sinh hoạt chi đoàn hoặc gửi ý tưởng sáng tạo trực tiếp tại văn phòng Đoàn...

- Phối hợp với chuyên môn để xem xét, triển khai các ý tưởng khả thi; tổ chức khen thưởng, biểu dương kịp thời cho những cá nhân, tập thể điển hình có nhiều ý tưởng, ý tưởng hay, mang lại giá trị kinh tế cao.

- Phối hợp với chuyên môn xây dựng quy chế đảm bảo quyền lợi cho người đưa ra ý tưởng sáng tạo, đó là: đảm bảo về quyền sở hữu ý tưởng, quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ (nếu ý tưởng được đăng ký).

c. Quy trình thành lập “Hộp thư sáng kiến”:

- Thống nhất về chủ trương xây dựng “Hộp thư sáng kiến” trong Ban Chấp hành Đoàn.

- Xin ý kiến lãnh đạo chuyên môn để thành lập “Quỹ hỗ trợ sáng kiến”.

- Xác định hình thức tổ chức “Hộp thư sáng kiến” (có thể bằng hộp thư hoặc thông qua văn phòng Đoàn, qua đội ngũ cán bộ đoàn tại cơ sở).

- Phát động phong trào đề xuất ý tưởng sáng tạo đến từ đoàn viên, thanh niên trong toàn cơ quan, đơn vị.

- Thu thập và phân loại các loại ý tưởng.

- Triển khai ý tưởng, khen thưởng ý tưởng hay nhất theo thời gian.

d. Một số lưu ý khi triển khai:

- Thực hiện treo băng zone cổ động, lập các thùng thư sáng kiến ở các bản tin thanh niên, khuyến khích Đoàn viên, thanh niên đi đầu trong công tác viết phiếu đóng góp ý tưởng.

- Phiếu đề xuất ý tưởng được bỏ vào thùng thư sáng kiến (các phiếu đề xuất được để sẵn tại thùng thư và được treo ở các bản tin thanh niên), hoặc gửi cho chi đoàn qua văn phòng Đoàn.

- Các phiếu đề xuất được các bộ phận chuyên môn phân loại. Nếu đề xuất nào mang tính khả thi cao thì sẽ tiến hành tổ chức triển khai áp dụng ngay. Nếu đề xuất nào không mang tính khả thi, Hội đồng sáng kiến sẽ có ý kiến phản hồi đối với người đề xuất (thời gian không quá một tháng kể từ ngày nhận được phiếu đề xuất).

- Khi nhận được phiếu đề xuất ý tưởng thì ngay lập tức sẽ có thư cảm ơn dán trên bản tin. Khi ý tưởng được triển khai thì có thêm một thư cảm ơn cho cá nhân đó và kèm theo mức thưởng tương ứng với lợi ích mà ý tưởng đề xuất đem lại cho đơn vị, doanh nghiệp. Mỗi quý/lần, Hội đồng sáng kiến của đơn vị, doanh nghiệp tổ chức bình chọn, khen thưởng cho 02 giải thưởng với các nội dung sau:

+ Người có nhiều sáng kiến nhất trong quý.

+ Người có sáng kiến có giá trị làm lợi lớn nhất trong quý.

- Ngoài mức thưởng tương ứng, lưu ý đảm bảo quyền lợi cho người đưa ra sáng kiến (được quy định tại Nghị định của Chính phủ về....)

2.2.4 Mô hình câu lạc bộ “Lao động giỏi, thu nhập cao”:

a. Mục đích – Yêu cầu:

- Vận động, tổ chức cho đoàn viên, thanh niên xung kích, sáng tạo trong lao động sản xuất, thực hiện tốt khẩu hiệu “*Năng suất, chất lượng, an toàn, tiết kiệm*”.

- Thông qua mô hình, tạo điều kiện cho đoàn viên, thanh niên có cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm; hỗ trợ giúp đỡ nhau, nâng cao thu nhập..., nâng cao trình độ về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Tạo ra phong trào thi đua trong lao động sản xuất.

b. Nội dung hoạt động:

- Cập nhật, thống kê lương hàng tháng của hội viên làm cơ sở phân tích để đưa ra biện pháp nâng cao thu nhập cho đoàn viên, thanh niên.

- Động viên, tạo điều kiện để đoàn viên, thanh niên tăng ngày giờ công hữu ích, tích cực đảm nhận các công trình, phần việc, qua đó góp phần tăng thêm thu nhập.

- Giúp đỡ đoàn viên, thanh niên học tập, nâng cao trình độ đặc biệt là rèn luyện tay nghề nâng bậc, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh phong trào “*Năng suất, chất lượng, an toàn, tiết kiệm*”.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về lao động giỏi – thu nhập cao để trao đổi, phổ biến kinh nghiệm trong quá trình thực hiện và nhân rộng điển hình.

- Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí lành mạnh cho hội viên.

c. Các bước tiến hành thành lập câu lạc bộ:

- Lựa chọn chi đoàn để làm điểm phong trào lao động giỏi, thu nhập cao, qua đó rút kinh nghiệm nhân rộng điển hình, phát triển phong trào trong toàn Đoàn.

- Chọn những đoàn viên điển hình làm nòng cốt của phong trào để thành lập câu lạc bộ lao động giỏi – thu nhập cao với những tiêu chuẩn sau:

+ Có ngày giờ công cao, đảm bảo ít nhất 24 công/tháng.

+ Lao động sản xuất tích cực, sáng tạo, đảm bảo: năng suất cao, chất lượng, an toàn và tiết kiệm.

- Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, là tấm gương cho đoàn viên, thanh niên học tập.

- Có mức lương cao (căn cứ trên thu nhập thực tế hàng tháng).

- Khi thành lập câu lạc bộ lao động giỏi – thu nhập cao phải đặc biệt chú ý tới số đoàn viên, thanh niên có trình độ và tay nghề cao - đây chính là đội ngũ nòng cốt giúp đỡ cho các đoàn viên thanh niên có tay nghề bậc thấp.

- Xây dựng quy chế hoạt động của câu lạc bộ lao động giỏi – thu nhập cao và triển khai tới Chi đoàn.

Lưu ý:

- Quá trình xây dựng mô hình phải căn cứ vào Nghị quyết của Đoàn cấp trên, của cấp ủy Đảng, đặc biệt là những vấn đề bức xúc trong quá trình sản xuất kinh doanh để đề ra những nội dung hoạt động cho thích hợp, mang lại hiệu quả cho đơn vị, lợi ích chính đáng cho đoàn viên, thanh niên.

Đồng thời phải dựa vào tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, thanh niên thì mô hình mới thu được kết quả tốt và được đoàn viên, thanh niên hưởng ứng.

- Để thực hiện mô hình, tổ chức Đoàn cần chủ động tiến hành ký kết các Nghị quyết liên tịch, đề xuất các giải pháp với cơ quan chuyên môn nhằm thúc đẩy phong trào, tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện cho đoàn viên, thanh niên hoạt động. Sau thời gian nhất định phải có thống kê, phân tích các chỉ tiêu của mô hình đã xây dựng, tổ chức gặp mặt trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng điển hình, qua đó điều chỉnh hình thức, nội dung sinh hoạt mô hình cho phù hợp.

3. Giải pháp về công tác tổ chức.

3.1. Về tổ chức bộ máy.

a. củng cố, phát triển Đoàn khối, Đoàn ngành trực thuộc Trung ương và Đoàn các cơ quan tỉnh, Dân chính đảng tỉnh, thành phố.

Tổ chức bộ máy của Đoàn là một khối thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đến các cấp cơ sở Đoàn. Tổ chức của Đoàn có mặt ở các vùng miền, địa bàn dân cư, trong các bộ ngành, các đơn vị sản xuất và dịch vụ. Tuy nhiên bộ máy tổ chức của Đoàn hiện nay chủ yếu theo hệ thống “dọc”. Việc phát triển các Đoàn ngành theo nghị quyết Đại hội Đoàn VIII là rất cần thiết để tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của các Đảng bộ và các cấp bộ ngành, giúp BCH Trung ương Đoàn chỉ đạo toàn diện chuyên sâu công tác Đoàn và phong trào TN theo các chuyên ngành.

b. củng cố và phát triển, các trung tâm sáng tạo KHKT trẻ, các mô hình Ban KHKT trẻ hoặc Câu lạc bộ KHKT trẻ, nhóm hỗ trợ sáng kiến trực thuộc BCH Đoàn các cấp. Trung ương Đoàn, các tỉnh thành Đoàn, Đoàn trực thuộc Thành lập Ban chỉ đạo phong trào “Sáng tạo trẻ” giúp BCH TƯ Đoàn, BCH các tỉnh thành Đoàn chỉ đạo phong trào.

3.2. Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Đoàn.

Đoàn TN cần tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực chỉ đạo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ Đoàn ở tất cả các cấp, thực hiện

đồng bộ các giải pháp về công tác cán bộ Đoàn trong thời kỳ mới được nêu trong nghị quyết 02 BCH TƯ Đoàn khóa VIII. Cán bộ Đoàn cần được thường xuyên bồi dưỡng; tự giác học tập tiếp thu thông tin KHCN kỹ năng nghiệp vụ, tiếp cận và sử dụng những công cụ phương tiện tiên tiến để nâng cao khả năng đề xuất, tổ chức, vận động thanh niên tham gia các hoạt động sáng tạo.

4. Tăng cường công tác chỉ đạo phong trào sáng tạo trẻ.

4.1 Cấp Trung ương.

- Tham mưu đề xuất với Đảng và Nhà nước trong xây dựng, ban hành các chính sách, các chương trình kinh tế – xã hội nhằm thực hiện mục tiêu trong chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2010 là: “Nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, năng lực khoa học, công nghệ cho thanh niên, xây dựng phong cách làm việc văn minh, khoa học nhanh chóng trở thành một đội ngũ thanh niên ưu tú tiêu biểu cho thế hệ trẻ”, làm việc với các Bộ, Ngành, các đoàn thể có liên quan để tạo cơ chế và sự hỗ trợ cho các cấp bộ Đoàn, triển khai có hiệu quả phong trào

- Tiến hành xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hiện phong trào “sáng tạo trẻ” hàng năm, tập trung chỉ đạo điểm theo đối tượng TN, theo địa bàn và các chuyên ngành, xây dựng các mô hình trên một số lĩnh vực hoạt động thông qua các dự án cụ thể.

- Hướng về cơ sở Đoàn để hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trong xây dựng và phát triển các mô hình, hình thức hoạt động, đề cao tính chủ động, sáng tạo của cơ sở trong việc tổ chức các hoạt động “sáng tạo trẻ”, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương đơn vị.

- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, công tác kiểm tra đôn đốc, tổng kết, thi đua khen thưởng động viên phong trào.

Hai năm tổ chức tổng kết, liên hoan phong trào sáng tạo trẻ (FESTIVAL sáng tạo trẻ) toàn quốc 01 lần.

- Ban chỉ đạo phong trào sáng tạo trẻ TƯ Đoàn thường trực tham mưu và giúp ban Thường vụ TƯ Đoàn chỉ đạo phong trào, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ban trong khối phong trào, Trung tâm phát triển KH, CN và tài

năng trẻ, học viên thanh thiếu niên Việt Nam, trung tâm dạy nghề TU Đoàn, các cơ quan báo đài, tạp chí tham gia thực hiện các nội dung của phong trào.

4.2 Cấp tỉnh thành.

- Căn cứ chương trình của Trung ương, vận dụng cụ thể hóa, xây dựng các chương trình, kế hoạch và các dự án triển khai thực hiện phù hợp với nhiệm vụ kinh tế – xã hội và điều kiện thực tế của từng địa phương đơn vị.

- Cấp tỉnh thành tham gia chỉ đạo điểm, tổng kết kinh nghiệm và đề xuất cho công tác chỉ đạo cấp Trung ương, tăng cường công tác chỉ đạo trực tiếp, hướng dẫn cho Đoàn cơ sở thực hiện, tránh chỉ đạo chung chung, xa rời thực tế.

- Đề xuất với cấp uỷ, chính quyền về chủ trương và chương trình triển khai, phối hợp với các Sở, Ban, ngành để tạo cơ chế, khai thác nguồn lực cho phong trào.

- Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực chỉ đạo và chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ Đoàn, đặc biệt là cán bộ tham gia các hoạt động KH, CN và sáng tạo.

- Thành lập bộ phận thường trực (Ban chỉ đạo, hoặc Ban tổ chức) để theo dõi, chỉ đạo cơ sở thực hiện phong trào này. Hàng năm các tỉnh thành tổ chức sơ kết phong trào (dưới hình thức Festival sáng tạo trẻ).

4.3 Đối với Đoàn cơ sở.

- Căn cứ vào thực tiễn tình hình tại địa phương, đơn vị báo cáo với cấp uỷ, chính quyền về chủ trương phát động phong trào sáng tạo trẻ và xây dựng kế hoạch Đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động của phong trào.

- Tăng cường các giải pháp hỗ trợ cho ĐVTN tham gia phong trào, đẩy mạnh hoạt động tập hợp, cung cấp thông tin KH, CN theo chuyên môn nghiệp vụ của từng đối tượng TN.

IV. CÁC KHUYẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT.

1. Đối với Đảng và Nhà nước.

- a. Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong việc tạo lập môi trường kinh tế và xã hội, môi trường cho hoạt động công

nghệ thuận lợi để thanh niên phát triển toàn diện, có khả năng tiếp thu, ứng dụng và sáng tạo trong KH và Công nghệ.

b. Tăng cường việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng đãi ngộ khuyến khích cán bộ trẻ có năng lực và tài năng trẻ, phát triển nguồn nhân lực KH và CN.

+ Phát triển hệ thống thông tin KH, CN trong đó có hệ thống thông tin KH, CN của Đoàn TN.

+ Đổi mới cơ chế tài chính cho KH và CN, tổ chức Quỹ hỗ trợ và phát triển KH và CN quốc gia trong đó có Quỹ hỗ trợ và phát triển KHCN trong TN.

c. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát huy vai trò của TN trong phát triển KH, CN: các chính sách khuyến học, khuyến tài hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, sáng tạo KH, CN, chính sách tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

d. Các bộ ngành tăng cường phối hợp với TU Đoàn trong các hoạt động KH, CN, triển khai thực hiện chiến lược phát triển TN Việt Nam đến nay 2010 đã được Chính phủ phê duyệt.

e. Tăng cường đầu tư kinh phí, trang thiết bị, phương tiện, đào tạo cán bộ Đoàn để Đoàn TN phát huy vai trò trong việc tập hợp, cổ vũ động viên ĐVTN không ngừng học tập nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, tiếp thu, xây dựng và sáng tạo KHCN.

2. Đối với Đoàn TN.

a. Trung ương Đoàn cần có nghị quyết về “phát huy vai trò của thanh niên Việt Nam, xung kích tham gia phát triển khoa học, công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, xây dựng các chương trình dự án phát huy vai trò của TN trong phát triển KH và CN.

b. Đội ngũ cán bộ Đoàn thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác. Xây dựng tổ chức Đoàn lớn mạnh làm trung tâm thu hút tập hợp ĐVTN, tham mưu đề xuất với Đảng và chính quyền và mở rộng hợp tác với các ban ngành đoàn thể trong các hoạt động KH và công nghệ.

c. Trong điều kiện hiện tại, chưa hình thành các trung tâm phát triển

KH, CN và tài năng trẻ ở các tỉnh thành Đoàn, các Trung tâm giáo dục tổng hợp, văn hóa thể thao TN, Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cần tăng cường các hoạt động học tập tiếp thu, ứng dụng KH, CN. Trung ương Đoàn xây dựng thí điểm Trung tâm phát triển KH, CN và tài năng trẻ ở địa bàn đô thị và nông thôn, đúc rút kinh nghiệm, đưa ra định hướng phát triển tổ chức này.

KẾT LUẬN

Sáng tạo không chỉ là một đặc trưng, một tố chất của tuổi trẻ, thực sự đó chính là động lực, là vốn quý, là giá trị của thanh niên từ xưa đến nay. Nếu như trước đây, tuổi trẻ sáng tạo để góp phần trong cuộc kháng chiến giành độc lập tự do, thì nay tuổi trẻ càng phát huy tính sáng tạo trong quá trình tiếp thu công nghệ mới xây dựng đất nước. Trong hầu hết các lĩnh vực ĐVTN luôn là lực lượng nòng cốt trong khoa học kỹ thuật, điều hành và sử dụng các thiết bị máy móc, dây chuyền công nghệ hiện đại, áp dụng kỹ thuật mới vào thực tiễn đời sống. Ở nhiều đơn vị ĐVTN đã không ngừng nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ tay nghề phục vụ cho công việc, đó là những tính tích cực của tuổi trẻ trong điều kiện hiện nay, cần trân trọng và khích lệ.

Vai trò của tổ chức Đoàn trong phong trào lao động sáng tạo tiếp thu khoa học công nghệ mới cơ bản vẫn duy trì và có những nét mới về nội dung và hình thức. Phong trào đã tập hợp, cổ vũ, động viên được đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia và đã tạo điều kiện và cơ hội cho tuổi trẻ tiến quân vào khoa học kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào tổ chức quản lý, sản xuất. Đoàn TN với việc chỉ đạo thực hiện phong trào lao động sáng tạo cũng đã góp phần khẳng định vị trí và tầm quan trọng của Đoàn và đoàn viên thanh niên trong quá trình tồn tại và phát triển của đơn vị, doanh nghiệp, được dư luận và lãnh đạo các đơn vị, địa phương đánh giá cao. Qua hoạt động của phong trào lao động sáng tạo, nhiều cơ sở đoàn đã tạo ra cơ chế phối hợp hoạt động của Đoàn với chuyên môn và các tổ chức quần chúng khác trong đơn vị, doanh nghiệp, đó là một trong những điều kiện thuận lợi đảm bảo cho hoạt động phong trào Đoàn nói chung và phong trào lao động sáng tạo, tiếp thu khoa học – công nghệ mới của thanh niên trong đơn vị nói riêng.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động của phong trào lao động sáng tạo ở một số cơ sở đoàn bộc lộ những nhược điểm như thiếu chủ động đề xuất phong trào, phong trào còn đơn điệu, rập khuôn không có nhiều đổi

mới về nội dung và hình thức, công tác kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết thiếu thường xuyên, chế độ thi đua, khen thưởng động viên phong trào còn yếu.v.v... Đó là những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo của các cấp bộ Đoàn.

Trong thời kỳ mới, thời kỳ hội nhập quốc tế, tốc độ đổi mới nhanh trong khoa học công nghệ cùng với lượng tri thức tăng nhanh trở thành nhân tố khẳng định sự phát triển kinh tế – xã hội, những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước đang đặt lên vai của thanh niên – nguồn nhân lực trẻ đầy tiềm năng, trí tuệ. Chính vì vậy, tổ chức Đoàn cần đưa ra phong trào mới, phong trào “Sáng tạo trẻ” nhằm khơi dậy và phát huy phẩm chất, tiềm năng sáng tạo, tinh thần xung kích của đoàn viên, thanh niên trong lao động, học tập nâng cao trình độ, làm chủ và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, tập trung vào các nội dung: khuyến khích đoàn viên, thanh niên đề xuất các ý tưởng, các phát minh sáng chế, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất; học tập, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ; đảm nhận các công trình khoa học kỹ thuật, các công trình sáng tạo.

Để phát triển phong trào “Sáng tạo trẻ” trong ĐVTN, bên cạnh ý thức tham gia nhiệt tình của đoàn viên thanh niên, cần có những đổi mới trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp bộ đoàn. Đặc biệt là sự cụ thể hoá phong trào sáng tạo trong đối tượng thanh niên, tạo ra cơ chế phối hợp hoạt động của tổ chức Đoàn với các ngành, các cấp, các tổ chức chính quyền, công đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng trong doanh nghiệp; công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và khen thưởng kịp thời. Những giải pháp đó được thực hiện thống nhất và đồng bộ thì chắc chắn phong trào “Sáng tạo trẻ” sẽ thu được kết quả tốt.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001;
2. Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng khóa VI năm 1991 về “Khoa học và công nghệ trong thời kỳ đổi mới”;
3. Luật khoa học và công nghệ, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000;
4. Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, 2002;
5. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 70/2003/QĐ-TTg, ngày 23/4/2003;
6. Văn kiện Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ V, VI, VII, VIII, NXB thanh niên;
7. Chương trình phối hợp giữa Bộ KH - CN và Môi trường và TW Đoàn ngày 25/3/1995 Tr.1;
8. Phạm Minh Hạc – Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào CNH,HĐH. NXB Chính trị quốc gia HN 2001 tr 252;
9. Nguyễn Phú Trọng, Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001;
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tập kỷ yếu hội thảo quốc gia về phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ đại học, 1993;
11. Đặng Hữu: “Kinh tế tri thức: thời cơ và thách thức đối với nước ta”, Tạp chí Cộng sản số 8/2000;
12. Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương: Kinh tế tri thức: vấn đề và giải pháp, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2001;
13. C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tập 20, NXB Chính trị quốc gia, 1994;
14. Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào, thanh niên năm 2001, 2002, 2003 và 6 tháng năm 2004 của Trung ương Đoàn.

15. Trung tâm từ điển khoa học, Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, năm 2003;
16. Trần Văn Miêu, Định hướng về phong trào thanh niên, NXB thanh niên, 2001;
17. Phan Dũng, Phương pháp luận sáng tạo khoa học kỹ thuật, Ủy ban khoa học và kỹ thuật T.p Hồ Chí Minh, 1991;